

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ
ĐỢT 1 NĂM 2025

DANH SÁCH SỐ BÁO DANH VÀ PHÒNG THI VIẾT
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2025
KHU VỰC PHÍA NAM

(Ban hành kèm theo Thông báo số 21/TB-HĐKT ngày 26 tháng 5 năm 2025 của
Hội đồng kiểm tra)

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 1 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 1.1 - Từ SBD 0001 đến 0050)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Trung	Á	11/06/1973	TP. HCM	0001	
2	Đinh Thị Hà	An	04/02/1995	Tp. HCM	0002	
3	Lê Thùy Vương	An	08/03/1997	TP. HCM	0003	
4	Nguyễn Hoàng	An	20/10/1974	Bến Tre	0004	
5	Nguyễn Hoàng	An	05/08/1998	Tp. HCM	0005	
6	Nguyễn Thị Thùy	An	29/06/1997	Tp. HCM	0006	
7	Nguyễn Ngọc Minh	Ấn	24/01/1997	TP. HCM	0007	
8	Võ Hoàng	Ấn	28/08/1995	TP. HCM	0008	
9	Đặng Văn	Ấn	23/06/1963	Tp. HCM	0009	
10	Bùi Vân	Anh	10/03/1997	TP. HCM	0010	
11	Đặng Quốc	Anh	04/03/1996	TP. Hà Nội	0011	
12	Đinh Thị Trâm	Anh	26/09/1991	TP. HCM	0012	
13	Đỗ Thị Minh	Anh	09/10/1998	TP. HCM	0013	
14	Hồ Thị Như	Anh	08/04/1995	TP. HCM	0014	
15	Lê Hiệp	Anh	12/11/1988	TP. HCM	0015	
16	Lê Hoàng Tường	Anh	28/07/1996	TP. Hà Nội	0016	
17	Lê Nhật	Anh	09/04/1998	Cần Thơ	0017	
18	Lê Nhật	Anh	16/12/1988	TP. HCM	0018	
19	Lê Quang	Anh	05/12/1991	TP. Hà Nội	0019	
20	Lê Thị Phương	Anh	25/08/1998	TP. HCM	0020	
21	Lê Tuấn	Anh	26/10/1987	Tp. HCM	0021	
22	Mai Thị Vân	Anh	24/09/1994	Đồng Nai	0022	
23	Ngô Thị Tuyết	Anh	27/11/1994	Tp. HCM	0023	
24	Nguyễn Dư Ngọc	Anh	01/12/1999	TP. HCM	0024	
25	Nguyễn Hoàng	Anh	20/03/1995	TP. HCM	0025	

26	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	03/02/1995	TP. HCM	0026	
27	Nguyễn Hồng	Anh	04/12/1999	TP. HCM	0027	
28	Nguyễn Hồng	Anh	13/09/1977	Ninh Thuận	0028	
29	Nguyễn Hữu	Anh	05/02/1985	TP. HCM	0029	
30	Nguyễn Minh	Anh	11/11/1999	TP. HCM	0030	
31	Nguyễn Ngọc	Anh	27/05/1971	Tp. HCM	0031	
32	Nguyễn Ngọc	Anh	04/08/1984	Tp. HCM	0032	
33	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	13/04/1997	Tp. HCM	0033	
34	Nguyễn Thị Kim	Anh	29/01/1997	TP. HCM	0034	
35	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/07/1997	Đà Nẵng	0035	
36	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/12/1996	TP. HCM	0036	
37	Nguyễn Thị Quế	Anh	03/06/1982	TP. HCM	0037	
38	Nguyễn Thị Tường	Anh	02/02/1995	Tp. HCM	0038	
39	Nguyễn Thị Vân	Anh	03/03/1980	Đồng Nai	0039	
40	Nguyễn Trung	Anh	06/02/1995	Tp. HCM	0040	
41	Nguyễn Tuấn	Anh	07/12/1999	Tp. HCM	0041	
42	Nguyễn Vân	Anh	23/11/1995	TP. HCM	0042	
43	Ông Mỹ	Anh	08/07/1986	BR-VT	0043	
44	Phạm Hùng	Anh	01/05/1996	Tp. HCM	0044	
45	Phạm Lê Tuấn	Anh	26/08/1993	Bình Thuận	0045	
46	Phạm Ngọc Quế	Anh	30/08/1998	TP. HCM	0046	
47	Phạm Quỳnh	Anh	28/07/1998	Tp. HCM	0047	
48	Phạm Thị Thùy	Anh	27/02/1994	Tp. HCM	0048	
49	Phạm Tuấn	Anh	02/09/1988	Đồng Nai	0049	
50	Phan Thị Kim	Anh	21/12/1997	TP. HCM	0050	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 2 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 1.3 - Từ SBD 0051 đến 0100)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phan Trâm	Anh	08/04/1999	TP. HCM	0051	
2	Phan Trịnh Duy	Anh	28/10/1999	TP. HCM	0052	
3	Võ Phúc	Anh	24/02/1991	Bình Phước	0053	
4	Võ Thị Mỹ	Anh	06/03/1997	Tp. HCM	0054	
5	Vũ Tuấn	Anh	17/01/1994	Tp. HCM	0055	
6	Đặng Huỳnh Ngọc	Ánh	12/02/1999	TP. HCM	0056	
7	Hà Thị Ngọc	Ánh	14/08/1998	TP. HCM	0057	
8	Nguyễn Thị	Ánh	13/06/2000	Đà Nẵng	0058	
9	Trần Thị Ngọc	Ánh	25/08/1999	TP. HCM	0059	
10	Huỳnh Thị	Ba	04/08/1993	TP. HCM	0060	
11	Nguyễn Thị Thu	Ba	21/05/1997	Tp. HCM	0061	
12	Nguyễn Khắc Chí	Bằng	09/01/1999	Đồng Nai	0062	
13	Huỳnh Ngọc	Bảo	31/10/1991	TP. HCM	0063	
14	Mai Phước	Bảo	06/10/2000	TP. HCM	0064	
15	Nguyễn Gia	Bảo	26/06/1999	TP. HCM	0065	
16	Trịnh Văn	Bảo	04/11/1997	Bình Dương	0066	
17	Mai Văn	Bé	01/01/1988	Bạc Liêu	0067	
18	Thị	Bích	15/10/1992	Tp. HCM	0068	
19	Phan Xuân	Bính	16/01/1976	Đồng Nai	0069	
20	Bùi Ngọc Nguyên	Bình	22/07/1999	Bình Thuận	0070	
21	Đỗ Thanh	Bình	23/05/1997	TP. HCM	0071	
22	Huỳnh Chí	Bình	10/07/1963	TP. HCM	0072	
23	Lê Văn	Bình	01/09/1996	Bình Dương	0073	
24	Nguyễn Thanh	Bình	19/02/1986	Kiên Giang	0074	
25	Nguyễn Thị Kim	Bình	01/07/1976	Tp. HCM	0075	
26	Trần Thị Thanh	Bình	05/07/1998	Khánh Hòa	0076	
27	Trần Thị Thanh	Bình	11/12/1989	TP. HCM	0077	
28	K'	Brin	08/06/1994	TP. HCM	0078	
29	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	27/01/1986	TP. HCM	0079	
30	Hồ Tất	Cảnh	03/05/1999	Quảng Trị	0080	
31	Lê Quang	Cảnh	02/01/1978	Đà Nẵng	0081	
32	Nguyễn Minh	Cảnh	12/05/1998	Tp. HCM	0082	

33	Phan Trọng	Cầu	22/01/1956	TP. HCM	0083	
34	Nguyễn Nhật Minh	Chánh	15/06/1997	Đồng Nai	0084	
35	Nguyễn Đăng Minh	Châu	27/07/1999	TP. HCM	0085	
36	Trương Hồng Minh	Châu	19/09/1997	TP. HCM	0086	
37	Đỗ Ngọc Kim	Chi	15/05/1998	Tp. HCM	0087	
38	Huỳnh Thị Kim	Chi	05/01/1991	TP. HCM	0088	
39	Trần Thị Lệ	Chi	18/06/1998	TP. HCM	0089	
40	Nguyễn Văn	Chí	18/11/1997	TP. HCM	0090	
41	Dương Thị	Chiến	02/08/1991	Long An	0091	
42	Lê Uy	Chinh	27/12/1981	Quảng Ngãi	0092	
43	Trịnh Tùng	Chinh	06/03/1994	TP. Huế	0093	
44	Đoàn Công	Chính	29/08/1994	TP. HCM	0094	
45	Lê Văn	Chính	16/11/1989	TP. HCM	0095	
46	Phạm Đức	Chính	24/10/1997	Đồng Nai	0096	
47	Nguyễn Thị	Chúc	25/02/1997	Tp. HCM	0097	
48	Hồ Thị Hồng	Chung	22/08/1995	Đắk Lắk	0098	
49	Trương Bảo	Chung	20/05/1994	Tp. HCM	0099	
50	Bảo	Chương	07/02/1972	BR-VT	0100	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 3 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.2 - Từ SBD 0101 đến 0131)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Dương Đình	22/04/1986	TP. HCM	0101	
2	Ngô Thái Nguyên	25/07/1996	TP. HCM	0102	
3	Nguyễn Văn	24/12/1996	Đồng Nai	0103	
4	Nguyễn Văn	21/03/1990	Khánh Hòa	0104	
5	Huỳnh Văn	20/03/1994	TP. HCM	0105	
6	Trần Thị	15/02/1996	TP. HCM	0106	
7	Đinh Thanh	21/03/1992	Tp. HCM	0107	
8	Nguyễn Minh	05/02/1979	Đồng Nai	0108	
9	Trần Văn	05/09/1979	Cần Thơ	0109	
10	Đoàn Mỹ	26/02/1999	TP. HCM	0110	
11	Đặng Nguyễn Trung	10/07/1998	TP. Hà Nội	0111	
12	Hoàng Văn	08/01/1996	Tp. HCM	0112	
13	Nguyễn Viết	23/09/1983	BR-VT	0113	
14	Dương Chí	14/02/1996	TP. HCM	0114	
15	Lê Xuân	28/05/1993	TP. HCM	0115	
16	Nguyễn Chí	18/12/1977	Tp. HCM	0116	
17	Nguyễn Gia	15/08/1999	TP. HCM	0117	
18	Nguyễn Hùng	09/10/1965	Cà Mau	0118	
19	Nguyễn Văn	08/10/1987	Đồng Nai	0119	
20	Nguyễn Văn	15/04/1989	TP. HCM	0120	
21	Lê Thị Phương	29/06/1998	TP. HCM	0121	
22	Nguyễn Anh	29/09/1999	Đồng Nai	0122	
23	Nguyễn Thị Thu	30/01/1998	Khánh Hòa	0123	
24	Phạm Tấn Sĩ	18/10/1991	Ninh Thuận	0124	
25	Trần Thị Thùy	02/02/1998	Đà Nẵng	0125	
26	Nguyễn Ngọc	13/05/1998	TP. HCM	0126	
27	Dương Hải	02/06/1998	TP. HCM	0127	
28	Lê Bảo Hà	06/01/1998	TP. HCM	0128	
29	Nguyễn Hồng	19/04/1994	TP. HCM	0129	
30	Trần Phong	30/10/1987	TP. HCM	0130	
31	Lê Thanh	16/09/1987	Cà Mau	0131	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 4 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.4 - Từ SBD 0132 đến 0162)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú	
1	Trần Thị Ánh	Đào	08/04/1980	Tp. HCM	0132	
2	Trịnh Thị	Đào	14/08/1986	TP. HCM	0133	
3	Trần Văn	Đạo	12/04/1994	Trà Vinh	0134	
4	Đỗ Thành	Đạt	17/12/1999	TP. HCM	0135	
5	Huỳnh Mẫn	Đạt	28/06/1998	Tp. HCM	0136	
6	Lê Quang	Đạt	08/01/1998	Tp. HCM	0137	
7	Mai Võ Phát	Đạt	14/04/1996	Tp. HCM	0138	
8	Nguyễn Phan Ngọc	Đạt	20/02/1998	TP. HCM	0139	
9	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/1983	Tp. HCM	0140	
10	Nguyễn Tiến	Đạt	06/08/1985	TP. HCM	0141	
11	Trần Tấn	Đạt	02/07/1996	Cần Thơ	0142	
12	Lê Thị	Đẹp	12/11/1999	Cà Mau	0143	
13	Lê Nguyễn Tường	Di	24/10/1996	TP. HCM	0144	
14	Danh Hoàng	Đi	09/09/1990	TP. HCM	0145	
15	Hà Thị Kiều	Diễm	16/03/1999	TP. HCM	0146	
16	Nguyễn Thị Huyền	Diễm	19/05/1993	TP. HCM	0147	
17	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	15/01/1974	Tiền Giang	0148	
18	Trần Thị	Diễm	04/12/1995	TP. HCM	0149	
19	Trần Ngọc	Diễm	05/03/1997	Tp. HCM	0150	
20	Nguyễn Văn Vĩnh	Điền	26/06/1978	Đà Nẵng	0151	
21	Mai Thị Ngọc	Điệp	16/12/1996	TP. HCM	0152	
22	Phạm Gia	Điệp	20/01/1984	TP. HCM	0153	
23	Đoàn Tích	Diệu	06/01/1981	TP. HCM	0154	
24	Hồ Thúy	Diệu	27/07/1995	Bình Dương	0155	
25	Nguyễn Ngọc	Diệu	24/10/1989	Cần Thơ	0156	
26	Phạm Thị	Diệu	25/11/1999	Đồng Tháp	0157	
27	Phạm Văn	Đó	18/06/1980	Tây Ninh	0158	
28	Võ Ngọc Trang	Đoan	04/03/1999	TP. HCM	0159	
29	Huỳnh Công	Đoàn	14/09/1985	TP. HCM	0160	
30	Mai Nhựt	Đông	01/09/1983	Bến Tre	0161	
31	Phan Văn	Đông	27/11/1998	Cần Thơ	0162	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 5 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.6 - Từ SBD 0163 đến 0193)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Đồng	01/05/1983	TP. HCM	0163	
2	Phí Tấn Dục	29/03/1995	TP. HCM	0164	
3	Lê Quang Đức	31/08/1999	Đà Nẵng	0165	
4	Lữ Hoàng Đức	16/04/1997	TP. HCM	0166	
5	Nguyễn Minh Đức	06/09/1992	TP. HCM	0167	
6	Nguyễn Trọng Đức	22/03/1995	Lâm Đồng	0168	
7	Nguyễn Trọng Đức	19/10/1997	Tp. HCM	0169	
8	Nguyễn Văn Đức	23/10/1998	TP. HCM	0170	
9	Võ Hiền Đức	02/05/1999	TP. HCM	0171	
10	Bùi Thị Thùy Dung	25/06/1998	Tp. HCM	0172	
11	Lê Thị Thùy Dung	10/10/2000	TP. HCM	0173	
12	Nguyễn Thị Kim Dung	13/06/1998	TP. HCM	0174	
13	Nguyễn Thị Phương Dung	28/09/1998	Đắk Lắk	0175	
14	Nguyễn Thị Thùy Dung	18/12/1976	TP. HCM	0176	
15	Nguyễn Thùy Dung	17/02/1991	TP. HCM	0177	
16	Phạm Ngọc Dung	19/01/1986	TP. HCM	0178	
17	Phạm Thị Thùy Dung	22/09/1997	TP. HCM	0179	
18	Trần Nguyễn Phương Dung	15/09/1987	Tp. HCM	0180	
19	Trần Thị Mỹ Dung	18/08/1985	Khánh Hòa	0181	
20	Đặng Trí Dũng	24/06/1996	Tp. HCM	0182	
21	Đào Văn Dũng	29/02/1992	TP. HCM	0183	
22	Đoàn Quốc Dũng	07/08/1994	TP. HCM	0184	
23	Lê Minh Bảo Dũng	30/04/1994	TP. HCM	0185	
24	Nguyễn Đức Dũng	25/12/1998	TP. HCM	0186	
25	Phạm Văn Dũng	21/04/1990	TP. HCM	0187	
26	Phan Đức Dũng	17/07/1997	TP. HCM	0188	
27	Trần Văn Dũng	21/02/1984	Đồng Nai	0189	
28	Trần Văn Dũng	10/12/1990	TP. HCM	0190	
29	Trần Việt Dũng	25/08/1989	TP. HCM	0191	
30	Trương Quốc Dũng	02/01/1973	Đồng Nai	0192	
31	Võ Quang Dũng	12/01/1959	TP. HCM	0193	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 6 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.1 - Từ SBD 0194 đến 0243)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Huỳnh Tấn	Được	20/05/1999	TP. HCM	0194	
2	Đào Minh	Dương	09/06/1983	Ninh Thuận	0195	
3	Đỗ Quý	Dương	25/10/1997	TP. HCM	0196	
4	Kim Ngọc	Dương	28/11/1998	Đồng Nai	0197	
5	Lê Thị Thùy	Dương	21/10/1964	An Giang	0198	
6	Lê Thùy	Dương	04/06/1994	TP. HCM	0199	
7	Nguyễn Hải	Dương	05/12/1999	TP. Huế	0200	
8	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19/03/1998	Tp. HCM	0201	
9	Nguyễn Thùy	Dương	02/04/1996	Bình Dương	0202	
10	Nguyễn Vũ Trùng	Dương	19/08/1978	Tp. HCM	0203	
11	Nguyễn Xuân	Dương	15/10/1983	Bình Dương	0204	
12	Trần Minh	Dương	28/04/1980	Tp. HCM	0205	
13	Võ Công	Dương	02/01/2000	TP. HCM	0206	
14	Bùi Đức	Duy	23/03/1998	TP. HCM	0207	
15	Bùi Trương	Duy	15/01/1998	Bình Dương	0208	
16	Ngô Xuân	Duy	20/10/1994	TP. HCM	0209	
17	Nguyễn Huy Nhật	Duy	01/01/2000	TP. HCM	0210	
18	Nguyễn Khắc	Duy	04/06/1982	Tp. HCM	0211	
19	Nguyễn Viết	Duy	08/03/1995	TP. HCM	0212	
20	Phạm Quốc	Duy	16/10/1997	TP. HCM	0213	
21	Phan Tấn	Duy	19/08/1987	Đắk Nông	0214	
22	Phan Trần Đăng	Duy	16/01/1996	Tp. HCM	0215	
23	Trần Phước	Duy	26/04/1997	TP. HCM	0216	
24	Trương Thanh	Duy	03/12/1996	Bình Phước	0217	
25	Hoàng Thị	Duyên	07/11/1990	Tp. HCM	0218	
26	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	19/01/1997	TP. HCM	0219	
27	Lê Thị Kỳ	Duyên	03/11/1997	TP. HCM	0220	
28	Lê Thị Lệ	Duyên	03/03/1973	Tp. HCM	0221	
29	Lê Thị Mỹ	Duyên	11/12/1998	TP. HCM	0222	
30	Lý Thị Hồng	Duyên	07/02/1998	TP. HCM	0223	
31	Nguyễn Mỹ	Duyên	13/11/1997	Tp. HCM	0224	
32	Nguyễn Thị	Duyên	03/10/1994	TP. HCM	0225	

33	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	02/02/1999	Tp. HCM	0226	
34	Võ Thị Thanh	Duyên	15/12/1995	TP. HCM	0227	
35	Vũ Thị Kiều	Duyên	27/04/1995	TP. HCM	0228	
36	Nguyễn Văn	E	08/03/1968	Cần Thơ	0229	
37	Trần Thị Kim	Gấm	27/08/1994	Tp. HCM	0230	
38	Lê Khắc	Ghi	10/05/1986	Tp. HCM	0231	
39	Trần Hoàng	Gia	16/06/1997	TP. HCM	0232	
40	Bùi Lam	Giang	23/01/1976	TP. HCM	0233	
41	Bùi Thị Hà	Giang	08/04/1998	TP. HCM	0234	
42	Nguyễn Hương	Giang	28/01/1981	Tp. HCM	0235	
43	Nguyễn Thị Hương	Giang	16/11/2000	Đồng Nai	0236	
44	Nguyễn Thị Nam	Giang	08/07/1996	Khánh Hòa	0237	
45	Nguyễn Trịnh Nhật	Giang	25/08/1991	Tp. HCM	0238	
46	Trần Bảo	Giang	05/02/1985	Đồng Nai	0239	
47	Trần Dương Hương	Giang	09/03/1998	Cần Thơ	0240	
48	Trần Ngân	Giang	10/07/1983	TP. HCM	0241	
49	Trần Thị Bảo	Giang	05/10/1994	Quảng Nam	0242	
50	Võ Đông	Giang	19/05/1975	Tây Ninh	0243	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 7 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 2.3 - Từ SBD 0244 đến 0293)

STT	HỌ TÊN	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Thái Thu	Giang	22/10/1999	TP. HCM	0244	
2	Hồ Thị Trúc	Giao	21/06/1999	TP. Huế	0245	
3	Từ Ngọc	Giáp	01/08/1979	TP. HCM	0246	
4	Lưu Thị Ngọc	Giàu	22/03/1995	TP. HCM	0247	
5	Nguyễn Thanh	Giàu	27/06/1997	Tp. HCM	0248	
6	Huỳnh Minh	Giới	10/06/1980	TP. HCM	0249	
7	Đan Thúy	Hà	23/03/1998	TP. HCM	0250	
8	Đặng Thị Việt	Hà	11/03/1992	TP. HCM	0251	
9	Đặng Văn	Hà	05/05/1986	Tp. HCM	0252	
10	Đoàn Ngân	Hà	06/08/1999	TP. HCM	0253	
11	Lê Sơn	Hà	19/04/1992	TP. HCM	0254	
12	Nguyễn Duy	Hà	02/01/1999	Tp. HCM	0255	
13	Nguyễn Minh	Hà	18/02/1999	TP. HCM	0256	
14	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/01/1997	TP. HCM	0257	
15	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/09/1999	Tp. HCM	0258	
16	Nguyễn Thị Thúy	Hà	01/01/1974	Tp. HCM	0259	
17	Nguyễn Tiến	Hà	02/09/1978	Bình Dương	0260	
18	Phạm Thị Thu	Hà	19/09/1983	Tp. HCM	0261	
19	Quách Mạnh	Hà	26/02/1981	Tây Ninh	0262	
20	Võ Thị Ngân	Hà	14/08/1998	TP. HCM	0263	
21	Vũ Thu	Hà	08/10/1994	TP. HCM	0264	
22	Nguyễn Thị Hồng	Hạ	02/08/1988	TP. HCM	0265	
23	Bùi Thanh	Hải	09/09/1975	Tp. HCM	0266	
24	Hồ Trung	Hải	06/05/1972	BR-VT	0267	
25	Huỳnh Ngọc	Hải	14/03/1994	Tp. HCM	0268	
26	Lâm Duy	Hải	20/07/1983	TP. HCM	0269	
27	Lê Văn	Hải	25/11/1980	BR-VT	0270	
28	Lương Thanh	Hải	04/04/1994	TP. HCM	0271	
29	Lý Minh	Hải	10/08/1998	Tp. HCM	0272	
30	Mai Tuấn	Hải	01/06/1996	TP. HCM	0273	
31	Nguyễn Đông	Hải	12/11/1996	Quảng Ngãi	0274	
32	Nguyễn Thị Mỹ	Hải	20/09/1994	Đà Nẵng	0275	

33	Nguyễn Văn	Hải	03/08/1975	Tp. HCM	0276	
34	Phạm Phú	Hải	15/03/1979	Quảng Trị	0277	
35	Phạm Văn	Hải	02/11/1978	Tp. HCM	0278	
36	Trần Nam	Hải	12/02/1985	TP. HCM	0279	
37	Trần Quốc	Hải	25/05/1997	Cần Thơ	0280	
38	Trịnh Quốc	Hải	16/05/1985	Bình Dương	0281	
39	Bùi Thị Ngọc	Hân	22/03/1994	TP. HCM	0282	
40	Phạm Huỳnh	Hân	28/03/1999	TP. HCM	0283	
41	Trần Ngọc	Hân	06/02/1989	Tp. HCM	0284	
42	Võ Kiều	Hân	22/07/1998	Tp. HCM	0285	
43	Bùi Thị Thúy	Hằng	20/06/1997	TP. HCM	0286	
44	Đặng Minh	Hằng	23/02/1988	TP. HCM	0287	
45	Hồ Thị Thanh	Hằng	08/06/1999	TP. HCM	0288	
46	Lê Thị Mỹ	Hằng	26/04/1983	Tiền Giang	0289	
47	Nguyễn Minh	Hằng	20/09/1993	Tp. HCM	0290	
48	Nguyễn Thị Minh	Hằng	16/04/1994	TP. HCM	0291	
49	Nguyễn Thị Thu	Hằng	07/11/1980	TP. HCM	0292	
50	Nguyễn Vũ Cẩm	Hằng	07/09/1991	TP. HCM	0293	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 8 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.2 - Từ SBD 0294 đến 0324)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phùng Thị Mỹ Hằng	15/06/1988	Tp. HCM	0294	
2	Thái Ngọc Hằng	15/04/1987	Tp. HCM	0295	
3	Trần Thị Bích Hằng	09/05/1980	Đồng Nai	0296	
4	Trần Thị Mỹ Hằng	02/11/1999	Tp. HCM	0297	
5	Trần Thị Thanh Hằng	02/04/1994	Tp. HCM	0298	
6	Trần Thị Thu Hằng	23/12/1996	Bình Dương	0299	
7	Phạm Văn Hanh	10/02/1981	Đà Nẵng	0300	
8	Lê Thị Ngọc Hạnh	09/10/1999	Bình Dương	0301	
9	Thái Thị Kiều Hạnh	11/07/1981	Cần Thơ	0302	
10	Đinh Quang Hào	27/04/1971	Tp. HCM	0303	
11	Đỗ Phong Hào	08/06/1998	Khánh Hòa	0304	
12	Huỳnh Anh Hào	05/12/1995	Tp. HCM	0305	
13	Mai Nhật Hào	02/04/1999	Long An	0306	
14	Hoàng Văn Hào	05/05/1975	Tp. HCM	0307	
15	Lưu Thị Hồng Hào	28/12/1998	TP. HCM	0308	
16	Nguyễn Thị Hào	10/12/1995	TP. HCM	0309	
17	Nguyễn Thị Thu Hào	22/07/1991	TP. HCM	0310	
18	Huỳnh Ngọc Hậu	05/12/1971	Cà Mau	0311	
19	Huỳnh Thị Hậu	20/11/1993	Bình Dương	0312	
20	Nguyễn Duy Hậu	23/04/1984	Bình Thuận	0313	
21	Nguyễn Thị Trung Hậu	13/11/1979	Khánh Hòa	0314	
22	Đặng Thị Hiền	17/07/1998	TP. HCM	0315	
23	Hoàng Thị Hiền	22/08/1998	TP. HCM	0316	
24	Hoàng Thị Thu Hiền	30/10/1984	TP. HCM	0317	
25	La Bá Hiền	25/10/1998	TP. HCM	0318	
26	Nguyễn Thị Minh Hiền	26/12/1994	Đà Nẵng	0319	
27	Nguyễn Thị Thanh Hiền	09/12/1999	Đà Nẵng	0320	
28	Nguyễn Thị Thu Hiền	02/10/1997	TP. HCM	0321	
29	Nguyễn Trọng Hiền	02/01/1990	Tây Ninh	0322	
30	Phạm Thanh Hiền	18/02/1992	Tp. HCM	0323	
31	Phan Dương Thục Hiền	11/03/1999	TP. HCM	0324	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 9 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.4 - Từ SBD 0325 đến 0355)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú	
1	Trần Thị Thu	Hiền	30/11/1994	Tp. HCM	0325	
2	Trương Thị Thanh	Hiền	07/10/1996	TP. HCM	0326	
3	Võ Thị Ánh	Hiền	16/05/1986	Tây Ninh	0327	
4	Đặng Minh	Hiệp	25/03/1982	Bình Thuận	0328	
5	Tạ Văn	Hiệp	11/06/1986	Tp. HCM	0329	
6	Thân Xuân	Hiệp	20/11/1976	Đồng Nai	0330	
7	Lê Thị Minh	Hiếu	10/06/1997	TP. HCM	0331	
8	Nguyễn Minh	Hiếu	25/12/1995	TP. HCM	0332	
9	Trần Đình	Hiếu	21/02/1999	TP. HCM	0333	
10	Trần Minh	Hiếu	19/08/1995	Kiên Giang	0334	
11	Trần Trọng	Hiếu	23/03/1974	Long An	0335	
12	Trần Văn	Hiếu	15/04/1996	Tp. HCM	0336	
13	Nguyễn Thanh	Hoa	17/04/1996	TP. HCM	0337	
14	Danh Minh	Hòa	11/03/1993	Tp. HCM	0338	
15	Lê Sơn	Hòa	18/12/1982	An Giang	0339	
16	Nguyễn Tấn	Hòa	20/10/1976	Quảng Ngãi	0340	
17	Nguyễn Thị	Hòa	14/05/1979	TP. HCM	0341	
18	Phan Thị Ái	Hòa	08/05/1975	Tp. HCM	0342	
19	Võ Thị Thanh	Hòa	20/11/1999	TP. HCM	0343	
20	Nguyễn Hữu	Hoài	03/02/1995	TP. HCM	0344	
21	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/11/1990	Tp. HCM	0345	
22	Lương Thị	Hoan	09/09/1995	Đắk Lắk	0346	
23	Phạm Đức	Hoan	20/03/1999	Đồng Nai	0347	
24	Lại Văn	Hoàn	16/10/1997	TP. HCM	0348	
25	Bùi Viết	Hoàng	22/03/1986	TP. HCM	0349	
26	Hà Văn Minh	Hoàng	02/10/1994	TP. HCM	0350	
27	Lê Thanh	Hoàng	28/02/1995	Quảng Trị	0351	
28	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/1999	TP. HCM	0352	
29	Nguyễn Minh	Hoàng	28/11/1996	Tp. HCM	0353	
30	Nguyễn Thanh	Hoàng	06/07/1986	TP. HCM	0354	
31	Phan Nguyên	Hoàng	24/10/1967	TP. HCM	0355	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 10 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.6 - Từ SBD 0356 đến 0386)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phan Việt	Hoàng	09/10/1995	TP. HCM	0356	
2	Tăng Văn	Hoàng	04/03/1979	BR-VT	0357	
3	Trần Duy	Hoàng	10/01/1994	Tp. HCM	0358	
4	Trần Văn	Hoàng	29/05/1999	TP. Huế	0359	
5	Trương Quang	Hoàng	10/10/1966	TP. HCM	0360	
6	Nguyễn Xuân	Hôn	05/01/1995	Tp. HCM	0361	
7	Bùi Thị Thanh	Hồng	12/04/1977	TP. HCM	0362	
8	Hoàng Thị	Hồng	05/10/1994	TP. HCM	0363	
9	Ngô Thị Thúy	Hồng	13/02/1996	TP. HCM	0364	
10	Nguyễn Thị	Hồng	12/06/1988	Đồng Nai	0365	
11	Nguyễn Thị	Hồng	07/06/1996	TP. HCM	0366	
12	Phạm Thị Ngọc	Hồng	20/01/1996	Bình Dương	0367	
13	Phan Thị Ánh	Hồng	27/08/1999	Long An	0368	
14	Trần Thị	Hồng	04/10/1999	Tp. HCM	0369	
15	Võ Thị	Hồng	16/09/1998	Tp. HCM	0370	
16	Chung Mỹ	Huê	10/02/1986	TP. HCM	0371	
17	Lê Ngọc	Huệ	16/03/1997	TP. HCM	0372	
18	Nguyễn	Huệ	15/07/1957	Đồng Nai	0373	
19	Trần Thị Bích	Huệ	16/10/1999	TP. HCM	0374	
20	Trần Thị Minh	Huệ	01/01/1995	Tp. HCM	0375	
21	Hoàng Mạnh	Hùng	16/10/1976	Tp. HCM	0376	
22	Hồng	Hùng	09/07/1953	Đồng Nai	0377	
23	Lê Văn	Hùng	10/09/1979	TP. HCM	0378	
24	Lương Mạnh	Hùng	24/09/1985	Tp. HCM	0379	
25	Nguyễn Hoàng	Hùng	07/08/1984	TP. HCM	0380	
26	Nguyễn Vĩnh	Hùng	10/05/1997	BR-VT	0381	
27	Từ Thế Anh	Hùng	18/04/1987	Đắk Lắk	0382	
28	Bùi Văn	Hưng	20/01/1997	TP. HCM	0383	
29	Lê Kiều	Hưng	24/04/1979	Đắk Nông	0384	
30	Lê Phúc	Hưng	14/01/1996	TP. Hà Nội	0385	
31	Nguyễn Quốc	Hưng	28/01/1984	BR-VT	0386	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 11 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 31 - Từ SBD 0387 đến 0436)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Bùi Thị Thu	Hương	15/03/1999	TP. HCM	0387	
2	Đào Thị Thanh	Hương	25/10/1988	TP. HCM	0388	
3	Hoàng Thị	Hương	25/01/1999	TP. Huế	0389	
4	Huỳnh Diễm	Hương	08/02/1999	TP. HCM	0390	
5	Lê Thị Diễm	Hương	06/01/1998	TP. HCM	0391	
6	Lê Thị Lan	Hương	05/01/1999	TP. HCM	0392	
7	Lý Huỳnh	Hương	15/09/1995	TP. HCM	0393	
8	Nguyễn Thị	Hương	23/09/1997	TP. HCM	0394	
9	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	10/11/1993	TP. HCM	0395	
10	Nguyễn Thị Thùy	Hương	21/06/1978	Khánh Hòa	0396	
11	Phạm Thị Lan	Hương	28/12/1991	TP. HCM	0397	
12	Trần Thị Thanh	Hương	21/02/1982	Cần Thơ	0398	
13	Trần Văn	Hương	20/08/2000	Đà Nẵng	0399	
14	Lê Thanh	Hương	31/12/1976	Tp. HCM	0400	
15	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	21/09/1998	Tp. HCM	0401	
16	Vương Thị	Hương	01/01/1984	TP. HCM	0402	
17	Lê Minh	Hữu	03/03/1978	Bến Tre	0403	
18	Dương Quốc	Huy	20/04/2000	Bình Dương	0404	
19	Hồ Thanh	Huy	26/09/1980	Tp. HCM	0405	
20	Huỳnh Đức	Huy	05/09/1999	TP. HCM	0406	
21	Nguyễn Đình	Huy	02/10/1998	TP. HCM	0407	
22	Nguyễn Đức	Huy	28/06/1997	TP. HCM	0408	
23	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	11/03/1999	TP. HCM	0409	
24	Nguyễn Trung	Huy	19/05/1996	Đà Nẵng	0410	
25	Nguyễn Văn Nhật	Huy	14/08/1996	TP. HCM	0411	
26	Phạm Đức	Huy	22/12/1976	TP. HCM	0412	
27	Trần Duy	Huy	14/05/1991	TP. HCM	0413	
28	Trần Quang	Huy	14/01/1972	TP. HCM	0414	
29	Trần Quang	Huy	08/12/1999	TP. HCM	0415	
30	Trương Gia	Huy	27/08/1998	TP. HCM	0416	
31	Văn Cập	Huy	27/11/1980	Tp. HCM	0417	
32	Nguyễn Văn	Huy	10/06/1999	Cần Thơ	0418	

33	Nguyễn Thị Cẩm	Huyền	02/03/1985	Tp. HCM	0419	
34	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	12/03/1998	TP. HCM	0420	
35	Lê Huỳnh Minh	Huyền	04/08/1999	TP. HCM	0421	
36	Lê Thị Bích	Huyền	10/03/1991	TP. HCM	0422	
37	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/08/1997	Tp. HCM	0423	
38	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	04/10/2000	TP. HCM	0424	
39	Phạm Ngọc Thanh	Huyền	18/04/1985	Tp. HCM	0425	
40	Phạm Thị	Huyền	23/06/1999	TP. HCM	0426	
41	Trần Huỳnh Ngọc	Huyền	03/02/1999	TP. HCM	0427	
42	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	24/05/1996	Quảng Ngãi	0428	
43	Trần Thị Thu	Huyền	10/11/1999	TP. HCM	0429	
44	Trần Thị Thu	Huyền	04/08/1991	Đồng Nai	0430	
45	Võ Thị	Huyền	05/08/1997	TP. HCM	0431	
46	Lê Trúc	Huỳnh	12/12/1997	Tp. HCM	0432	
47	Nguyễn Thúy	Huỳnh	20/03/1998	Cần Thơ	0433	
48	Phan Đức	Huỳnh	20/01/2000	Đà Nẵng	0434	
49	Lê Kinh	Kha	15/01/1997	Bình Định	0435	
50	Ngô Quang	Khải	19/03/2000	TP. HCM	0436	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 12 (Khu vực phía Nam)
(Hội trường A 3.3 - Từ SBD 0437 đến 0486)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Đình Khải	08/01/1997	Bình Định	0437	
2	Trần Thanh Khải	01/12/1989	Kiên Giang	0438	
3	Hồ Trần Dương Khang	27/12/1999	Long An	0439	
4	Hoàng Phúc Khang	25/10/1986	TP. HCM	0440	
5	Lương Hoàng Khang	16/05/1995	Cần Thơ	0441	
6	Thái Thúc Trần Khang	07/07/1995	TP. HCM	0442	
7	Huỳnh Công Khanh	28/07/1995	TP. HCM	0443	
8	Đỗ Quốc Khánh	14/09/1999	Đồng Nai	0444	
9	Nguyễn Duy Khánh	25/12/1989	Đồng Nai	0445	
10	Nguyễn Hoàng Diệu Khánh	19/03/1987	TP. HCM	0446	
11	Nguyễn Lê Ngọc Khánh	28/10/2000	TP. HCM	0447	
12	Nguyễn Mỹ Khánh	06/09/1994	TP. HCM	0448	
13	Nguyễn Nam Khánh	03/05/1994	TP. HCM	0449	
14	Trần Bảo Khánh	19/07/1988	Tp. HCM	0450	
15	Trần Hùng Duy Khánh	19/12/1997	Cà Mau	0451	
16	Lâm Chinh Khâu	06/11/1985	Tp. HCM	0452	
17	Ma Khắc Khiêm	09/05/1990	Tp. HCM	0453	
18	Triệu Trọng Khiêm	22/12/1999	Đồng Tháp	0454	
19	Đỗ Phương Khoa	23/03/1999	TP. HCM	0455	
20	Lê Nguyễn Bảo Khoa	16/06/1977	Tp. HCM	0456	
21	Nguyễn Đăng Khoa	04/10/1999	TP. HCM	0457	
22	Nguyễn Đình Khoa	21/08/1999	TP. HCM	0458	
23	Nguyễn Thanh Đăng Khoa	21/10/1997	TP. Hà Nội	0459	
24	Nguyễn Việt Khoa	14/02/1991	Tp. HCM	0460	
25	Nguyễn Vũ Minh Khoa	23/11/1993	TP. HCM	0461	
26	Phan Thanh Vũ Khoa	14/03/1985	Đồng Nai	0462	
27	Tô Đăng Khoa	12/04/1975	Bình Phước	0463	
28	Trần Đăng Khoa	25/12/1983	TP. HCM	0464	
29	Trần Tấn Khoa	12/07/1994	Tp. HCM	0465	
30	Trần Trương Đăng Khoa	06/12/1987	Cần Thơ	0466	
31	Hồng Nguyễn Đình Khôi	11/06/1988	Tp. HCM	0467	
32	Vũ Minh Khôi	06/09/1999	BR-VT	0468	

33	Quách Thụy Anh	Khuê	18/12/1997	TP. HCM	0469	
34	Trần Nguyễn Băng	Khuê	02/02/1996	TP. HCM	0470	
35	Trần Gia	Khương	24/08/1999	TP. HCM	0471	
36	Trịnh Thị Bích	Khuyên	19/01/1988	TP. HCM	0472	
37	Lê	Kiên	16/06/1998	Gia Lai	0473	
38	Đặng Nhân	Kiệt	19/08/1995	TP. HCM	0474	
39	Nguyễn Tuấn	Kiệt	29/07/1999	TP. HCM	0475	
40	Đoàn Thị Diễm	Kiều	14/10/1973	Đà Nẵng	0476	
41	Khương Kim Thúy	Kiều	17/04/1997	Cà Mau	0477	
42	Phạm Thị Thúy	Kiều	19/07/1987	Khánh Hòa	0478	
43	Trần Thị Ninh	Kiều	02/06/1983	Đồng Nai	0479	
44	Võ Thị	Kiều	26/11/1996	TP. HCM	0480	
45	Nguyễn Thị	Kim	01/09/1995	TP. Huế	0481	
46	Phùng Thị	Lài	28/10/1998	Tp. HCM	0482	
47	Trần Thị	Lài	01/08/1988	Tp. HCM	0483	
48	Đoàn Thị Kim	Lâm	24/10/1992	TP. HCM	0484	
49	Nguyễn Hoàng	Lâm	16/05/1999	TP. HCM	0485	
50	Nguyễn Kim	Lâm	29/01/1985	TP. HCM	0486	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 13 (Khu vực phía Nam)
HỘ (Phòng A 3.5 - Từ SBD 0487 đến 0536)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Xuân Lâm	08/07/1992	TP. HCM	0487	
2	Vũ Văn Lâm	17/06/1986	TP. HCM	0488	
3	Hà Thị Tuyết Lan	28/12/1977	TP. HCM	0489	
4	Phạm Ngọc Lan	08/10/1987	Kiên Giang	0490	
5	Vũ Thị Lan	17/08/1996	Tp. HCM	0491	
6	Lê Thị Lệ	25/03/1990	TP. HCM	0492	
7	Nguyễn Thị Lệ	25/10/1996	TP. HCM	0493	
8	Vũ Văn Lịch	02/12/1979	TP. HCM	0494	
9	Hoàng Ngọc Liêm	27/03/1982	Bạc Liêu	0495	
10	Cao Nguyễn Bảo Liên	18/11/2000	TP. HCM	0496	
11	Lương Thị Liên	05/05/1990	TP. HCM	0497	
12	Nguyễn Thị Liên	06/10/1994	Tp. HCM	0498	
13	Trần Thị Bích Liên	25/10/1990	Bình Dương	0499	
14	Bùi Thị Thùy Linh	18/02/1996	Tp. HCM	0500	
15	Đoàn Hoàng Linh	04/12/1984	Đà Nẵng	0501	
16	Đoàn Thị Khánh Linh	20/09/1997	TP. HCM	0502	
17	Hoàng Thị Linh	19/05/1995	Tp. HCM	0503	
18	Lê Hồng Thảo Linh	27/05/1995	Khánh Hòa	0504	
19	Nguyễn Ánh Linh	14/09/1998	TP. HCM	0505	
20	Nguyễn Đào Khánh Linh	01/01/1999	TP. HCM	0506	
21	Nguyễn Ngọc Linh	15/04/1988	Tp. HCM	0507	
22	Nguyễn Thị Kiều Linh	10/09/1996	TP. HCM	0508	
23	Nguyễn Thị Phương Linh	16/01/1994	Quảng Trị	0509	
24	Nguyễn Thị Thùy Linh	21/10/1996	Đà Nẵng	0510	
25	Nguyễn Thùy Linh	06/03/2000	TP. HCM	0511	
26	Nguyễn Quốc Lịnh	26/11/1985	TP. HCM	0512	
27	Đỗ Thị Hoài Loan	09/12/1992	Tp. HCM	0513	
28	Dương Thị Thu Loan	16/10/1977	Tp. HCM	0514	
29	Hồ Ngọc Thảo Loan	13/06/1990	TP. HCM	0515	
30	Lê Thị Bích Loan	26/09/1999	TP. HCM	0516	
31	Lê Thị Li Loan	22/09/1999	Đà Nẵng	0517	
32	Nguyễn Thị Ngọc Loan	20/11/1999	TP. HCM	0518	

33	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	10/08/1991	TP. HCM	0519	
34	Trần Kim	Loan	08/01/1993	TP. HCM	0520	
35	Trần Thiện Như	Loan	06/11/1978	TP. HCM	0521	
36	Đặng Ngọc	Lộc	15/07/1992	Sóc Trăng	0522	
37	Đoàn Nguyễn Nguyên	Lộc	29/01/1997	Long An	0523	
38	Ngô Đăng	Lộc	03/06/1998	TP. HCM	0524	
39	Nguyễn Ngọc Vĩnh	Lộc	28/01/1990	TP. HCM	0525	
40	Nguyễn Tấn	Lộc	19/11/1997	Cần Thơ	0526	
41	Nguyễn Thị Phước	Lộc	28/09/1986	TP. HCM	0527	
42	Phạm Xuân	Lộc	25/04/1983	TP. HCM	0528	
43	Tô Vĩnh	Lộc	01/02/1978	Hà Tĩnh	0529	
44	Bùi Thắng	Lợi	22/05/1993	TP. HCM	0530	
45	Cao Xuân	Lợi	19/02/1990	Tây Ninh	0531	
46	Nguyễn Kim	Lợi	14/03/1995	TP. HCM	0532	
47	Trần Xuân	Lợi	30/11/1984	Tp. HCM	0533	
48	Bùi Văn	Long	20/07/1997	Tp. HCM	0534	
49	Cang Nguyễn Ái	Long	10/03/1995	Tp. HCM	0535	
50	Lâm Thanh	Long	22/10/1979	Cà Mau	0536	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 14 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.2 - Từ SBD 0537 đến 0566)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Khánh Long	31/07/1988	Bình Dương	0537	
2	Nguyễn Hoàng Long	03/02/1997	Nghệ An	0538	
3	Nguyễn Ngọc Long	18/03/1992	Tp. HCM	0539	
4	Nguyễn Phi Long	22/11/1997	Tp. HCM	0540	
5	Nguyễn Văn Long	12/04/1991	Tp. HCM	0541	
6	Trần Tuấn Long	12/11/1973	Tp. HCM	0542	
7	Từ Ngọc Long	01/01/2000	TP. Huế	0543	
8	Vũ Hoàng Long	07/06/1984	Tp. HCM	0544	
9	Võ Phi Lốt	19/09/1993	TP. HCM	0545	
10	Nguyễn Đình Luân	24/10/1998	TP. HCM	0546	
11	Nguyễn Trường Luân	18/07/1995	Tp. HCM	0547	
12	Tô Minh Luân	13/11/1999	Vĩnh Long	0548	
13	Nguyễn Văn Luận	21/08/1998	TP. HCM	0549	
14	Văn Phước Luận	23/09/1988	Tây Ninh	0550	
15	Văn Tiến Lực	01/04/1986	Quảng Trị	0551	
16	Nguyễn Thị Lương	26/03/1997	TP. HCM	0552	
17	Trần Võ Hiền Lương	15/02/1995	Tp. HCM	0553	
18	Hoàng Hương Ly	10/11/1998	Tp. HCM	0554	
19	Nguyễn Ngọc Ly	12/04/1998	TP. HCM	0555	
20	Nguyễn Phan Gia Ly	01/11/1993	Quảng Ngãi	0556	
21	Nguyễn Thị Lý	10/06/1984	BR-VT	0557	
22	Bùi Thị Mai	22/05/1999	TP. HCM	0558	
23	Đặng Thị Xuân Mai	22/12/1994	Bình Phước	0559	
24	Huỳnh Đặng Hoàng Mai	17/10/1989	TP. Hà Nội	0560	
25	Huỳnh Thị Trúc Mai	07/01/1997	TP. HCM	0561	
26	Lê Huỳnh Mai	15/11/2000	Cà Mau	0562	
27	Lê Thị Mai	15/03/1989	Tp. HCM	0563	
28	Lê Thị Quỳnh Mai	09/11/1996	Đắk Lắk	0564	
29	Lê Thị Sao Mai	24/12/1994	TP. HCM	0565	
30	Lê Thị Thanh Mai	17/05/1998	TP. HCM	0566	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 15 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.4 - Từ SBD 0567 đến 0596)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bạch Mai	30/04/1995	Tiền Giang	0567	
2	Phạm Lê Thanh Mai	07/09/1999	TP. HCM	0568	
3	Thạch Thị Huỳnh Mai	11/11/1991	Long An	0569	
4	Trương Ngọc Mai	23/09/1991	TP. HCM	0570	
5	Trần Thanh Mãi	20/01/1988	Đắk Nông	0571	
6	Bùi Thị Mẫn	06/01/1985	Tp. HCM	0572	
7	Chu Huệ Mẫn	17/08/1999	TP. HCM	0573	
8	Phan Minh Mẫn	19/11/1961	Tây Ninh	0574	
9	Đinh Thanh Mạnh	04/06/1978	Tp. HCM	0575	
10	Nguyễn Tất Mạnh	11/10/1978	Lâm Đồng	0576	
11	Lý Thị Mảo	08/11/1998	Bình Dương	0577	
12	Cao Hoàng Minh	26/05/1991	TP. HCM	0578	
13	Đào Bá Hà Minh	14/01/1983	Tp. HCM	0579	
14	Đinh Ngọc Minh	21/03/1987	Quảng Nam	0580	
15	Nguyễn Đình Minh	09/08/1992	Khánh Hòa	0581	
16	Nguyễn Đoàn Minh	09/04/1973	TP. HCM	0582	
17	Nguyễn Thanh Minh	06/08/1993	Đồng Nai	0583	
18	Nguyễn Thị Diệu Minh	17/06/1989	TP. Huế	0584	
19	Nguyễn Triệu Minh	11/10/2000	TP. HCM	0585	
20	Ôn Tuệ Minh	06/10/1998	TP. HCM	0586	
21	Phạm Ngọc Minh	21/12/1986	TP. HCM	0587	
22	Phạm Nhật Minh	14/11/1998	Tp. HCM	0588	
23	Phan Quang Minh	23/10/1996	Tp. HCM	0589	
24	Phan Tấn Minh	26/01/1978	Tp. HCM	0590	
25	Trần Bình Minh	10/08/1999	TP. HCM	0591	
26	Trần Hoàng Minh	20/11/1991	Cần Thơ	0592	
27	Trần Lê Minh	20/04/1998	Đồng Nai	0593	
28	Trần Nghĩa Quang Minh	02/02/1985	Đồng Nai	0594	
29	Trần Quang Minh	02/11/1977	TP. HCM	0595	
30	Cao Xuân Mùi	15/09/1979	TP. HCM	0596	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 16 (Khu vực phía Nam)

(Phòng A 4.6 - Từ SBD 0597 đến 0626)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trương Ngọc Mừng	03/09/1991	Tp. HCM	0597	
2	Nguyễn Đình Mười	20/01/1988	Tp. HCM	0598	
3	Lê Văn Muôn	06/04/1994	TP. HCM	0599	
4	Nguyễn Thị Diễm My	17/11/1999	Tp. HCM	0600	
5	Nguyễn Thị Huyền My	21/11/1996	TP. HCM	0601	
6	Nguyễn Thị Kiều My	18/09/1993	Hậu Giang	0602	
7	Nguyễn Thị Thảo My	20/01/1991	TP. HCM	0603	
8	Nguyễn Thị Trà My	03/12/1999	TP. HCM	0604	
9	Nguyễn Trà My	04/03/1994	TP. HCM	0605	
10	Nguyễn Trà My	09/03/1999	TP. HCM	0606	
11	Nguyễn Vương Thụy My	09/08/1991	Tp. HCM	0607	
12	Phạm Thị Trà My	05/08/1999	TP. HCM	0608	
13	Phan Thị Kiều My	01/01/1998	TP. HCM	0609	
14	Tiêu Hồng Tú My	19/09/1997	TP. HCM	0610	
15	Trần Hoàng My	16/03/1995	Tp. HCM	0611	
16	Trần Thị Diệu My	17/02/1999	TP. HCM	0612	
17	Trương Huyền My	05/06/1994	Cà Mau	0613	
18	Nguyễn Văn Mỹ	18/09/1995	An Giang	0614	
19	Trần Thị Thanh Mỹ	06/07/1984	TP. HCM	0615	
20	Sokh Syl Myl	19/06/1998	TP. HCM	0616	
21	Đoàn Văn Nam	02/05/1971	TP. HCM	0617	
22	Hoàng Đức Nam	20/09/1982	TP. HCM	0618	
23	Lê Hoàng Nam	03/06/1993	TP. HCM	0619	
24	Nguyễn Huy Nhật Nam	23/03/1996	TP. HCM	0620	
25	Nguyễn Huỳnh Nam	18/06/1995	TP. HCM	0621	
26	Sơn Hải Nam	23/01/1996	Kiên Giang	0622	
27	Trần Phương Nam	21/10/1999	TP. HCM	0623	
28	Đoàn Thị Kiều Nga	12/03/1999	TP. HCM	0624	
29	Nguyễn Thị Nga	11/08/1996	TP. HCM	0625	
30	Phạm Thị Nga	29/09/1990	TP. HCM	0626	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 17 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A 4.1 - Từ SBD 0627 đến 0676)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Thị Yến	27/03/1998	Đồng Nai	0627	
2	Lê Trần Minh	21/11/1997	Tp. HCM	0628	
3	Nguyễn Hoàng Kim	16/02/1997	TP. HCM	0629	
4	Nguyễn Ngọc Phương	31/01/1994	Tp. HCM	0630	
5	Nguyễn Thái Phương	21/07/1998	TP. HCM	0631	
6	Nguyễn Thanh	02/02/1998	TP. HCM	0632	
7	Nguyễn Thị Mỹ	19/10/1998	TP. HCM	0633	
8	Phan Thị	06/11/1995	Tp. HCM	0634	
9	Phan Vĩnh	01/08/1987	Kiên Giang	0635	
10	Trần Bảo	27/04/1998	TP. HCM	0636	
11	Trịnh Thị Kim	05/05/1999	Đồng Nai	0637	
12	Trương Thủy	27/01/1985	Cần Thơ	0638	
13	Mã Xuân	26/03/1995	Tp. HCM	0639	
14	Nguyễn Hiếu	19/07/1986	Tp. HCM	0640	
15	Nguyễn Thị	21/12/1998	Đà Nẵng	0641	
16	Phan Trọng	26/02/1989	Tp. HCM	0642	
17	Đặng Trương Hoài	01/06/1995	TP. HCM	0643	
18	Lương Văn	30/11/1984	Đà Nẵng	0644	
19	Nguyễn Đình	27/05/1971	TP. HCM	0645	
20	Bùi Thị Bích	24/01/1997	TP. HCM	0646	
21	Hồ Lê Hoàng	17/08/1997	Đà Nẵng	0647	
22	Hồ Văn	30/03/1996	TP. HCM	0648	
23	Lê Phùng Bảo	09/05/1997	Tp. HCM	0649	
24	Nguyễn Bảo	02/05/1998	TP. HCM	0650	
25	Nguyễn Lê Kim	03/09/1999	TP. HCM	0651	
26	Nguyễn Phạm Mỹ	21/06/2000	TP. HCM	0652	
27	Nguyễn Thị Bích	10/07/1994	TP. HCM	0653	
28	Nguyễn Thị Hồng	04/12/1994	Kiên Giang	0654	
29	Nguyễn Thị Huyền	21/06/1981	Tây Ninh	0655	
30	Nguyễn Thị Minh	14/01/1995	Bạc Liêu	0656	
31	Phan Gia Bảo	23/08/1996	TP. HCM	0657	
32	Trần Thị Ánh	20/05/1997	TP. HCM	0658	

33	Trần Thị Như	Ngọc	22/06/1997	Tây Ninh	0659	
34	Trần Thụy Bích	Ngọc	02/04/1977	TP. HCM	0660	
35	Trương Thị Bích	Ngọc	05/09/1996	Đà Nẵng	0661	
36	Võ Thị Diệu	Ngọc	18/01/1997	Tp. HCM	0662	
37	Lê Văn	Ngọc	04/06/1985	Đà Nẵng	0663	
38	Đặng Văn	Ngư	22/05/1979	Đắk Nông	0664	
39	Hoàng Thị	Nguyên	14/06/1993	Tp. HCM	0665	
40	Lê Công	Nguyên	27/11/1993	Gia Lai	0666	
41	Lê Khôi	Nguyên	16/01/1995	Tp. HCM	0667	
42	Lý Hồng	Nguyên	17/06/1985	Tp. HCM	0668	
43	Ngô Mai Xuân	Nguyên	11/02/1994	TP. HCM	0669	
44	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	13/02/1995	Đồng Nai	0670	
45	Nguyễn Trọng	Nguyễn	12/12/1998	Cần Thơ	0671	
46	Trần Chí	Nguyễn	04/11/1994	Cần Thơ	0672	
47	Bùi Thị	Nguyệt	12/08/1997	Kon Tum	0673	
48	Huỳnh Thanh	Nguyệt	15/09/1991	Tp. HCM	0674	
49	Trần Minh	Nguyệt	13/05/1986	Tp. HCM	0675	
50	Trần Thị Minh	Nguyệt	09/11/1997	Tp. HCM	0676	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 18 (Khu vực phía Nam)
(Phòng A4.3 - Từ SBD 0677 đến 0726)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Võ Thị Hồng Nguyệt	24/10/1996	Tp. HCM	0677	
2	Từ Thị Hằng Nha	10/11/1990	Đắk Lắk	0678	
3	Huỳnh Thị Thanh Nhân	06/11/1996	Tp. HCM	0679	
4	Diệp Tự Nhân	18/04/1987	Gia Lai	0680	
5	Nguyễn Phan Dũng Nhân	31/08/1994	TP. HCM	0681	
6	Nguyễn Thị Yến Nhân	12/11/1996	TP. HCM	0682	
7	Lê Văn Nhanh	02/09/1966	Long An	0683	
8	Phạm Thị Ngọc Nhất	07/07/1995	Khánh Hòa	0684	
9	Trương Phương Nhất	19/07/1994	Đà Nẵng	0685	
10	Nguyễn Tân Nhật	10/02/1997	TP. HCM	0686	
11	Phạm Quang Nhật	28/08/1994	Hậu Giang	0687	
12	Quế Tiến Nhật	08/04/1992	TP. HCM	0688	
13	Đặng Yến Nhi	17/08/1999	TP. HCM	0689	
14	Hạ Uyển Nhi	01/06/1997	Tp. HCM	0690	
15	Hoàng Lê Hạnh Nhi	07/05/1999	TP. HCM	0691	
16	Lê Kiều Nhi	28/02/1997	Đắk Lắk	0692	
17	Lê Thị Nhi	05/02/1998	Đà Nẵng	0693	
18	Nguyễn Tạ Thùy Nhi	07/01/1991	Tp. HCM	0694	
19	Nguyễn Yến Nhi	28/08/1997	TP. HCM	0695	
20	Trần Thị Yến Nhi	24/03/1997	Tây Ninh	0696	
21	Văn Thị Yến Nhi	21/01/1998	TP. HCM	0697	
22	Nguyễn Hồng Nhí	01/01/1998	Đồng Nai	0698	
23	Nguyễn Thị Nhiễm	21/01/1990	Cần Thơ	0699	
24	Đỗ Thị Nhiễm	15/03/1981	Tp. HCM	0700	
25	Trần Văn Nhu	03/10/1992	TP. HCM	0701	
26	Đặng Huỳnh Như	15/01/1996	Trà Vinh	0702	
27	Dương Hải Như	27/09/1998	TP. HCM	0703	
28	Lê Thùy Như	06/10/1980	Tp. HCM	0704	
29	Nguyễn Hồng Tố Như	06/05/1988	TP. HCM	0705	
30	Nguyễn Thị Thảo Như	28/07/1999	TP. HCM	0706	
31	Phạm Ngọc Huỳnh Như	17/12/1999	Cần Thơ	0707	
32	Phạm Thị Huỳnh Như	21/02/1999	TP. HCM	0708	

33	Vũ Thùy Khánh	Như	02/07/1998	TP. HCM	0709	
34	Đinh Thị	Nhung	13/05/1999	Tp. HCM	0710	
35	Hồ Thị	Nhung	25/07/1993	TP. HCM	0711	
36	Hồ Thị Cẩm	Nhung	16/10/1996	Tp. HCM	0712	
37	Lê Thị Hồng	Nhung	27/01/1995	Tp. HCM	0713	
38	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/05/1995	TP. HCM	0714	
39	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	22/12/1986	Cần Thơ	0715	
40	Trần Trang	Nhung	12/12/1989	TP. HCM	0716	
41	Dương Văn	Nhượng	02/09/1985	Đắk Nông	0717	
42	Nguyễn Đào Duy	Nhựt	03/02/1995	TP. HCM	0718	
43	Đào Thị	Nhuyên	28/09/1983	TP. HCM	0719	
44	La Thị	Ni	04/11/1995	Tp. HCM	0720	
45	Phạm Thị Hoa	Niên	03/04/2000	TP. HCM	0721	
46	Đặng Văn	Ninh	16/08/1984	Tp. HCM	0722	
47	Võ Thị	Nữ	19/10/1990	Kiên Giang	0723	
48	Đoàn Thị Thu	Ny	04/01/1999	TP. HCM	0724	
49	Đinh Thị Kim	Oanh	05/12/1996	TP. HCM	0725	
50	Đỗ Hoàng	Oanh	02/03/1984	Bình Dương	0726	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 19 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 1.1 - Từ SBD 0727 đến 0776)

STT	HỌ TÊN	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Dương Thị Kim	Oanh	05/02/2000	Đồng Nai	0727	
2	Lê Thị Tường	Oanh	19/04/1999	TP. HCM	0728	
3	Nguyễn Thị	Oanh	18/08/1997	TP. HCM	0729	
4	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	01/08/1992	Bình Thuận	0730	
5	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	13/05/1997	Tp. HCM	0731	
6	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	08/07/1965	Cần Thơ	0732	
7	Trần Thị Kim	Oanh	09/04/1974	Tp. HCM	0733	
8	Huỳnh Ngọc	Pháp	12/12/1997	TP. HCM	0734	
9	Huỳnh Tấn	Pháp	28/04/1997	Quảng Ngãi	0735	
10	Đoàn Văn	Phát	01/12/1988	Tp. HCM	0736	
11	Huỳnh Tấn	Phát	12/12/1990	TP. HCM	0737	
12	Huỳnh Tấn	Phát	16/05/1991	TP. HCM	0738	
13	Trần Trọng	Phi	09/02/1996	Cần Thơ	0739	
14	Bùi Thanh	Phong	07/02/1976	Tp. HCM	0740	
15	Hồ Văn	Phong	20/11/1964	Tp. HCM	0741	
16	Kim Điền	Phong	15/07/1993	Hậu Giang	0742	
17	Lê Thành	Phong	12/03/1991	Tp. HCM	0743	
18	Trần Minh	Phong	13/07/1992	Long An	0744	
19	Trần Thuận	Phong	14/01/1982	TP. HCM	0745	
20	Trịnh Di	Phong	21/11/1993	TP. HCM	0746	
21	Trương Ứng	Phong	12/12/1996	Tp. HCM	0747	
22	Bùi Bá	Phú	25/08/1989	TP. HCM	0748	
23	Phan Long	Phú	23/09/1995	TP. HCM	0749	
24	Dương Thị Thanh	Phúc	24/06/1988	TP. HCM	0750	
25	Lê Đặng Thiên	Phúc	21/01/1995	TP. HCM	0751	
26	Lê Văn	Phúc	25/04/1982	Tp. HCM	0752	
27	Nguyễn Hữu	Phúc	09/03/1992	TP. HCM	0753	
28	Nguyễn Thành	Phúc	06/01/1998	TP. HCM	0754	
29	Trần Thị Hồng	Phúc	11/08/1997	TP. HCM	0755	
30	Đặng Thị	Phụng	05/02/1979	Tp. HCM	0756	
31	Lý Hồng	Phước	14/07/1967	Cần Thơ	0757	
32	Nguyễn Thanh	Phước	29/01/1997	TP. HCM	0758	

33	Văn Hữu	Phước	03/07/1982	Tp. HCM	0759	
34	Bùi Thị Huệ	Phương	17/07/1996	TP. HCM	0760	
35	Châu Ngọc	Phương	04/09/1995	Quảng Nam	0761	
36	Đào Thị Thu	Phương	23/01/1999	Tp. HCM	0762	
37	Đinh Thị Mai	Phương	31/07/1984	TP. HCM	0763	
38	Đinh Trương Anh	Phương	26/11/1989	TP. HCM	0764	
39	Đỗ Thị	Phương	26/01/1991	TP. HCM	0765	
40	Đỗ Thị Vân	Phương	01/01/1982	Đà Nẵng	0766	
41	Hoàng Bích	Phương	10/12/1997	TP. HCM	0767	
42	Huỳnh Hoàng	Phương	21/01/1985	Cà Mau	0768	
43	Huỳnh Thanh	Phương	01/01/1974	Vĩnh Long	0769	
44	Khổng Liên	Phương	08/01/1983	Cần Thơ	0770	
45	Lâm Ngọc Cát	Phương	30/10/1996	TP. HCM	0771	
46	Lê Anh	Phương	10/03/1995	Tây Ninh	0772	
47	Lê Đình Quốc	Phương	01/08/1980	Quảng Ngãi	0773	
48	Lê Đoàn Thu	Phương	02/02/1998	TP. Huế	0774	
49	Lê Thị	Phương	23/03/1994	Tp. HCM	0775	
50	Lê Thị Ánh	Phương	22/05/1999	Cần Thơ	0776	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 20 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 1.3 - Từ SBD 0777 đến 0826)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Thị Lâm Phương	12/12/1999	Quảng Trị	0777	
2	Lê Thị Thu Phương	14/04/2000	Đà Nẵng	0778	
3	Nguyễn Hoàng Phương	02/04/1999	Hậu Giang	0779	
4	Nguyễn Hồng Phương	23/12/1998	Tp. HCM	0780	
5	Nguyễn Lê Lan Phương	08/09/1999	Bình Phước	0781	
6	Nguyễn Ngọc Trúc Phương	30/01/1995	Cần Thơ	0782	
7	Nguyễn Thị Hà Phương	31/10/1997	TP. HCM	0783	
8	Nguyễn Thị Hồng Phương	22/07/1979	Tp. HCM	0784	
9	Nguyễn Thị Thu Phương	25/04/1998	Đà Nẵng	0785	
10	Nguyễn Thị Thu Phương	29/10/1999	TP. HCM	0786	
11	Nguyễn Thoại Yên Phương	11/09/1996	Tp. HCM	0787	
12	Nguyễn Uyên Minh Phương	29/01/1976	Tp. HCM	0788	
13	Phạm Huỳnh Hoài Phương	04/09/1984	Kiên Giang	0789	
14	Phạm Thị Thu Phương	02/05/1999	TP. HCM	0790	
15	Phan Thị Lan Phương	03/08/1999	TP. HCM	0791	
16	Trần Nguyễn Thị Hoài Phương	25/12/1997	TP. HCM	0792	
17	Trần Thanh Phương	20/03/1973	Tp. HCM	0793	
18	Trịnh Thu Phương	24/11/1999	TP. Hà Nội	0794	
19	Lưu Thị Cẩm Phượng	12/03/1996	Bình Phước	0795	
20	Nguyễn Thị Phượng	03/01/1995	Bình Dương	0796	
21	Nguyễn Anh Quân	10/09/1999	TP. HCM	0797	
22	Nguyễn Hồng Quân	06/06/1994	TP. HCM	0798	
23	Nguyễn Trung Quân	12/12/1999	TP. HCM	0799	
24	Trần Đức Quân	01/01/1975	Tp. HCM	0800	
25	Võ Hoàng Quân	30/06/1991	Phú Yên	0801	
26	Bùi Xuân Quang	14/11/1989	Tp. HCM	0802	
27	Đinh Hoàng Phú Quang	16/09/1983	Tp. HCM	0803	
28	Hoàng Trí Quang	30/11/1989	TP. Huế	0804	
29	Lê Minh Quang	22/01/1983	Vĩnh Long	0805	
30	Mã Thị Vinh Quang	03/02/1970	TP. HCM	0806	
31	Nguyễn Nhật Quang	05/06/1997	Tp. HCM	0807	
32	Phan Xuân Quý	30/10/1985	Tp. HCM	0808	

33	Trần Thị Huỳnh	Quý	29/08/1978	Tp. HCM	0809	
34	Nguyễn Vĩnh	Quốc	14/02/1975	TP. HCM	0810	
35	Trần Hữu	Quốc	10/11/1980	Tp. HCM	0811	
36	Văn Đình	Quốc	22/04/1993	Tp. HCM	0812	
37	Võ Thụy Tam	Quy	08/11/1976	TP. HCM	0813	
38	Nguyễn Thị Hồng	Quý	14/08/1989	Đà Nẵng	0814	
39	Nguyễn Thị Xuân	Quý	10/09/1986	TP. HCM	0815	
40	Đinh Thị	Quyên	23/10/1995	Tp. HCM	0816	
41	Nguyễn Ngọc Tú	Quyên	16/05/1999	Tp. HCM	0817	
42	Nguyễn Thị Tú	Quyên	01/01/1993	Cần Thơ	0818	
43	Nguyễn Thị	Quyến	09/09/1996	TP. HCM	0819	
44	Lê Hữu	Quyền	07/08/1997	TP. HCM	0820	
45	Nguyễn Trọng	Quyền	11/04/1983	Bến Tre	0821	
46	Bùi Văn	Quyết	09/06/1997	TP. HCM	0822	
47	Lê Văn	Quyết	05/05/1984	TP. HCM	0823	
48	Bùi Như	Quỳnh	28/08/1998	TP. Hà Nội.	0824	
49	Đinh Thị Ngân	Quỳnh	09/06/1995	TP. HCM	0825	
50	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	13/10/1994	TP. HCM	0826	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 21 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.2 - Từ SBD 0827 đến 0856)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Như Quỳnh	13/05/1997	TP. HCM	0827	
2	Lê Thị Như Quỳnh	19/02/1999	TP. HCM	0828	
3	Lê Thị Tú Quỳnh	15/08/1999	TP. HCM	0829	
4	Mã Ái Quỳnh	05/08/1996	TP. HCM	0830	
5	Nguyễn Phương Quỳnh	18/02/1998	Bình Dương	0831	
6	Nguyễn Thị Quỳnh	04/10/1999	TP. HCM	0832	
7	Nguyễn Thúy Quỳnh	31/03/1997	TP. HCM	0833	
8	Phạm Thị Như Quỳnh	05/03/1997	Đà Nẵng	0834	
9	Phan Vũ Diễm Quỳnh	18/06/1996	TP. HCM	0835	
10	Trần Thị Như Quỳnh	05/05/1999	TP. HCM	0836	
11	Kim Sa Rinh	15/02/1990	TP. HCM	0837	
12	Tiền Lâm Vĩnh San	20/01/1985	Bạc Liêu	0838	
13	Đỗ Thanh Sang	23/12/1982	TP. HCM	0839	
14	Huỳnh Thị Hồng Sang	03/12/1991	Tp. HCM	0840	
15	Huỳnh Văn Sang	26/01/1995	Tp. HCM	0841	
16	Nguyễn Đình Quốc Sang	05/11/1995	Tp. HCM	0842	
17	Triệu Mùi Sao	08/10/1996	TP. HCM	0843	
18	Nguyễn Thị Sen	10/11/1983	Bình Phước	0844	
19	Phạm Tiến Sĩ	28/08/1996	Cần Thơ	0845	
20	Bùi Thị Sinh	28/08/1998	Tp. HCM	0846	
21	Phan Văn Sinh	26/04/1998	TP. HCM	0847	
22	Dương Thị Kim Son	16/02/1999	TP. HCM	0848	
23	Lê Hồng Sơn	13/10/1975	Tp. HCM	0849	
24	Nguyễn Danh Sơn	18/03/1992	Tp. HCM	0850	
25	Nguyễn Hồng Sơn	19/02/1997	Kon Tum	0851	
26	Nguyễn Thanh Sơn	16/08/1983	TP. HCM	0852	
27	Nguyễn Văn Sơn	29/04/1996	TP. HCM	0853	
28	Nguyễn Văn Sơn	02/08/1998	Tp. HCM	0854	
29	Phan Lâm Sơn	19/10/1990	Đắk Lắk	0855	
30	Thiệu Anh Sơn	28/12/1997	TP. HCM	0856	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 22 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.6 - Từ SBD 0857 đến 0886)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Trần Anh Sơn	02/01/1996	Tp. HCM	0857	
2	Trần Hoàng Sơn	10/08/1977	Đồng Tháp	0858	
3	Trần Thanh Sơn	28/01/1959	Ninh Thuận	0859	
4	Lê Thị Nguyên	20/04/1990	Tp. HCM	0860	
5	Trịnh Văn	20/02/1986	Bình Phước	0861	
6	Nguyễn Thị Thu	16/05/1996	TP. HCM	0862	
7	Phan Thị	20/09/1997	TP. HCM	0863	
8	Đoàn Văn	27/07/1998	TP. HCM	0864	
9	Dương Lê	16/10/1987	TP. Hà Nội	0865	
10	Nguyễn Chánh	20/08/1988	Tp. HCM	0866	
11	Nguyễn Đắc	23/11/1976	TP. HCM	0867	
12	Nguyễn Đình	10/12/1999	TP. HCM	0868	
13	Trần Đức	13/11/1997	Quảng Ngãi	0869	
14	Võ Thành	15/02/1994	Bình Phước	0870	
15	Triệu Phúc	06/10/1997	TP. HCM	0871	
16	Đặng Phước	20/12/1989	Đồng Nai	0872	
17	Đỗ Huỳnh Thanh	20/11/1987	TP. HCM	0873	
18	Đoàn Nguyễn Chí	17/08/1979	Tp. HCM	0874	
19	Hồ Phương	06/08/1985	Bình Phước	0875	
20	Huỳnh Ngọc Thanh	22/03/1984	Tp. HCM	0876	
21	Lê Công Thành	26/11/1992	Đắk Lắk	0877	
22	Nguyễn Đặng Phương	18/04/1973	Bình Định	0878	
23	Nguyễn Thị Minh	17/05/2000	TP. Huế	0879	
24	Nguyễn Thiện	26/06/1999	Tp. HCM	0880	
25	Tô Võ Yến	10/08/1999	TP. HCM	0881	
26	Trần Minh	10/01/1989	Kiên Giang	0882	
27	Bùi Ngọc	10/08/1986	BR-VT	0883	
28	Huỳnh Duy	19/11/1983	Tp. HCM	0884	
29	Lâm Ngọc	10/08/1992	Kiên Giang	0885	
30	Ngô Nhật	09/12/1995	TP. HCM	0886	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 23 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.1 - Từ SBD 0887 đến 0936)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Phạm Minh	Tân	24/04/1992	TP. HCM	0887	
2	Trần Minh	Tân	01/01/1995	Vĩnh Long	0888	
3	Lê Văn	Tấn	24/04/1988	Vĩnh Long	0889	
4	Nguyễn Thanh	Tấn	20/04/1974	Đồng Nai	0890	
5	Hồ Ngọc	Thạch	08/02/1980	Tp. HCM	0891	
6	Nguyễn Ngọc	Thạch	04/11/1979	Cần Thơ	0892	
7	Nguyễn Thế	Thạch	10/02/1998	TP. HCM	0893	
8	Trần Quốc	Thái	20/01/1995	TP. HCM	0894	
9	Trần Văn	Thái	16/08/1990	TP. HCM	0895	
10	Nguyễn Văn	Thâm	05/11/1959	Long An	0896	
11	Nguyễn Lương	Thắng	22/12/1975	Tp. HCM	0897	
12	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/02/1985	TP. HCM	0898	
13	Phạm Bình	Thắng	14/07/1989	TP. HCM	0899	
14	Quảng Đại	Thắng	10/05/1998	TP. HCM	0900	
15	Trịnh Công	Thắng	14/02/2000	TP. HCM	0901	
16	Đỗ Thị Kim	Thanh	25/03/1992	Bình Phước	0902	
17	Hồ Ngọc	Thanh	01/07/1978	Cần Thơ	0903	
18	La Thị Phương	Thanh	20/05/1982	TP. HCM	0904	
19	Lê Duy	Thanh	07/06/1993	TP. HCM	0905	
20	Lê Thị Ngọc	Thanh	28/12/1999	TP. HCM	0906	
21	Nguyễn Hải	Thanh	04/07/1990	BR-VT	0907	
22	Nguyễn Nhật	Thanh	16/11/1983	BR-VT	0908	
23	Nguyễn Thị	Thanh	18/12/1966	Đồng Tháp	0909	
24	Nguyễn Tuyết	Thanh	22/05/1997	Đồng Nai	0910	
25	Phan Thị Xiêm	Thanh	08/03/1984	Tp. HCM	0911	
26	Trần Quốc	Thanh	12/10/2000	TP. HCM	0912	
27	Trần Thị	Thanh	23/09/1998	TP. HCM	0913	
28	Đinh Đức	Thành	04/04/1990	Tp. HCM	0914	
29	Doãn Đức	Thành	18/06/1993	TP. HCM	0915	
30	Huỳnh Ngọc	Thành	24/06/1982	Quảng Ngãi	0916	
31	Lê Quang	Thành	03/11/1997	TP. HCM	0917	
32	Lê Tấn	Thành	27/09/1973	TP. HCM	0918	

33	Mai Tiến	Thành	26/05/1998	TP. HCM	0919	
34	Nguyễn Công Hải	Thành	05/02/1999	Quảng Bình	0920	
35	Nguyễn Đức Nhật	Thành	28/10/1994	TP. HCM	0921	
36	Nguyễn Huy	Thành	21/08/1999	TP. HCM	0922	
37	Nguyễn Kim Nhật	Thành	20/10/1988	Tp. HCM	0923	
38	Nguyễn Trung	Thành	23/07/1997	TP. HCM	0924	
39	Phạm Xuân	Thành	10/03/1998	Bình Dương	0925	
40	Trương Công	Thành	11/01/1998	TP. HCM	0926	
41	Trương Tất	Thành	09/07/1996	TP. HCM	0927	
42	Lê Hồng	Thao	03/01/1970	Đồng Nai	0928	
43	Đoàn Ngọc Phương	Thảo	01/12/1999	TP. HCM	0929	
44	Lâm Chí	Thảo	26/11/1980	Tp. HCM	0930	
45	Lê Thị Phương	Thảo	05/07/1984	Tp. HCM	0931	
46	Nguyễn Ngọc	Thảo	15/02/1998	TP. HCM	0932	
47	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	14/05/2000	Tây Ninh	0933	
48	Nguyễn Phạm Minh	Thảo	16/10/1998	TP. HCM	0934	
49	Nguyễn Phương	Thảo	05/04/1997	TP. HCM	0935	
50	Nguyễn Thạch	Thảo	25/02/2000	TP. HCM	0936	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 24 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 2.3 - Từ SBD 0937 đến 0986)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Thảo	24/03/1994	Tp. HCM	0937	
2	Nguyễn Thị Thảo	20/06/1997	TP. HCM	0938	
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/10/1994	Tp. HCM	0939	
4	Phan Thị Phương Thảo	02/09/1992	TP. HCM	0940	
5	Phùng Nguyên Thảo	30/04/1999	Khánh Hòa	0941	
6	Trần Huỳnh Thu Thảo	03/10/2000	TP. HCM	0942	
7	Trần Minh Thảo	16/05/1999	TP. HCM	0943	
8	Trần Minh Thảo	19/09/1998	Tp. HCM	0944	
9	Trương Bích Thảo	18/04/1995	TP. HCM	0945	
10	Trương Thị Mai Thảo	06/06/1990	Cần Thơ	0946	
11	Văn Thị Phương Thảo	30/09/1997	TP. HCM	0947	
12	Vũ Hoàng Mai Thảo	16/04/1990	Tp. HCM	0948	
13	Vũ Lam Thảo	03/12/1984	TP. HCM	0949	
14	Nguyễn Minh Thật	09/06/1998	TP. HCM	0950	
15	Hà Sỹ Thi	28/06/1992	Tp. HCM	0951	
16	Hồ Anh Thi	15/11/1996	Tp. HCM	0952	
17	Mai Thị Mai Thi	22/07/1983	Tp. HCM	0953	
18	Nguyễn Anh Thi	19/06/1979	TP. HCM	0954	
19	Nguyễn Minh Yên Thi	12/12/1999	TP. HCM	0955	
20	Trần Thị Ngọc Thi	26/01/1995	Bạc Liêu	0956	
21	Vi Văn Thích	13/07/1997	Tp. HCM	0957	
22	Ngô Mạnh Thiêm	11/08/1997	Tp. HCM	0958	
23	Phạm Bá Thiên	18/07/1996	Lâm Đồng	0959	
24	Huỳnh Thị Dương Thiện	21/09/1992	TP. HCM	0960	
25	Ngô Đình Thiện	28/02/1997	Tp. HCM	0961	
26	Nguyễn Đại Thiện	09/10/1991	Đà Nẵng	0962	
27	Nguyễn Đức Thiện	15/04/1999	TP. HCM	0963	
28	Nguyễn Minh Thiện	03/11/1990	TP. HCM	0964	
29	Nguyễn Trần Thiện	07/12/1981	TP. HCM	0965	
30	Tạ Thị Thiện	15/10/1998	TP. HCM	0966	
31	Trần Vinh Thiện	24/03/2000	Gia Lai	0967	
32	Nguyễn Văn Thiệu	26/01/1996	Quảng Ngãi	0968	

33	Huỳnh Đức	Thịnh	25/11/2000	TP. HCM	0969	
34	Lê Đức	Thịnh	27/11/2000	TP. Hà Nội	0970	
35	Nguyễn Đức	Thịnh	16/09/1999	TP. HCM	0971	
36	Nguyễn Hưng	Thịnh	04/07/1980	Đồng Nai	0972	
37	Nguyễn Phúc	Thịnh	15/10/1998	Cần Thơ	0973	
38	Trần Quang	Thịnh	18/06/1997	Đà Nẵng	0974	
39	Võ Thị Hồng	Thịnh	02/03/1987	Kon Tum	0975	
40	Lê Nguyễn Hoài	Thơ	13/07/1982	Cần Thơ	0976	
41	Lê Thị Hồng	Thơ	27/10/1998	TP. HCM	0977	
42	Trương Ngọc	Thơ	13/06/1985	Long An	0978	
43	Ngô Thị Kim	Thoa	22/01/1984	TP. HCM	0979	
44	Trần Thị Tuyết	Thoa	10/06/1995	TP. HCM	0980	
45	Đồng Thị Mỹ	Thơ	15/05/1993	TP. HCM	0981	
46	Nguyễn Thị	Thơ	25/04/1995	TP. HCM	0982	
47	Hồ Đức	Thông	21/10/1996	TP. HCM	0983	
48	Nguyễn Văn	Thông	25/10/1985	Đồng Nai	0984	
49	Huỳnh Thị Ngọc	Thu	16/07/1974	Tây Ninh	0985	
50	Lâm Kim	Thu	06/09/1998	TP. HCM	0986	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 25 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.2 - Từ SBD 0987 đến 1016)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Lê Thị Thanh	15/04/1994	Khánh Hòa	0987	
2	Trần Thanh	23/10/1973	Đồng Nai	0988	
3	Trịnh Thị Minh	19/02/1999	Gia Lai	0989	
4	Bùi Ngọc Anh	07/04/1998	TP. HCM	0990	
5	Dương Minh	07/01/1994	Tp. HCM	0991	
6	Hồ Nguyễn Anh	30/04/1999	TP. HCM	0992	
7	Lê Thị Anh	02/02/1996	Bến Tre	0993	
8	Nguyễn Huỳnh Minh	06/12/2000	Long An	0994	
9	Nguyễn Thị Anh	19/02/1995	Đồng Nai	0995	
10	Nguyễn Thị Anh	08/12/1997	TP. HCM	0996	
11	Nguyễn Thị Anh	15/02/1989	Tp. HCM	0997	
12	Nguyễn Thị Minh	01/08/1993	Đà Nẵng	0998	
13	Nguyễn Thị Minh	08/06/1997	Tp. HCM	0999	
14	Phạm Minh	31/07/2000	Khánh Hòa	1000	
15	Phan Minh	30/07/1999	TP. HCM	1001	
16	Trần Anh	04/06/1997	Trà Vinh	1002	
17	Trương Anh	03/06/1998	TP. HCM	1003	
18	Trương Mai Đăng	25/01/1998	TP. HCM	1004	
19	Võ Ngọc Minh	28/10/1999	TP. HCM	1005	
20	Ngô Ngọc	17/06/1996	TP. HCM	1006	
21	Nguyễn Đức	17/08/1999	TP. HCM	1007	
22	Nguyễn Hồ Hiếu	22/03/1991	TP. HCM	1008	
23	Phạm Ngọc	24/08/1974	Tp. HCM	1009	
24	Võ Minh	12/01/1998	Tp. HCM	1010	
25	Lê Trí	09/09/1992	Cà Mau	1011	
26	Nguyễn Thiện	07/05/1973	Cần Thơ	1012	
27	Võ Dương Trường	02/09/1999	Đồng Nai	1013	
28	Nguyễn Thanh	20/11/1997	TP. HCM	1014	
29	Nguyễn Thị	17/06/1984	Tp. HCM	1015	
30	Nguyễn Thị	17/05/1990	TP. HCM	1016	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 26 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.4 - Từ SBD 1017 đến 1046)

STT	HỌ	TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Ninh Văn	Thương	25/10/1998	TP. HCM	1017	
2	Phạm Thùy	Thương	26/05/1990	TP. HCM	1018	
3	Trần Phi	Thường	04/12/1991	Cần Thơ	1019	
4	Lê Cao	Thường	05/05/1985	Tp. HCM	1020	
5	Trần Văn	Thượng	16/11/1991	Đồng Nai	1021	
6	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	20/04/1997	Tp. HCM	1022	
7	Đặng Thị	Thúy	18/10/1984	Tp. HCM	1023	
8	Đặng Thị Thanh	Thúy	07/07/1997	TP. HCM	1024	
9	Đặng Thị Thu	Thúy	09/06/1996	TP. HCM	1025	
10	Hồ Thị Xuân	Thúy	20/07/1991	Tp. HCM	1026	
11	Lê Thụy Cẩm	Thúy	12/11/1997	Tiền Giang	1027	
12	Nguyễn Thanh	Thúy	10/10/1974	Kiên Giang	1028	
13	Nguyễn Thị Kim	Thúy	27/12/1990	Tp. HCM	1029	
14	Phạm Thanh	Thúy	18/09/1981	Tây Ninh	1030	
15	Trần Thị Thanh	Thúy	25/06/1985	TP. HCM	1031	
16	Trần Thị Thanh	Thúy	20/01/1988	Đồng Nai	1032	
17	Triệu Thị	Thúy	05/10/1996	Đồng Nai	1033	
18	Trương Thị Thanh	Thúy	10/07/1985	TP. HCM	1034	
19	Bùi Thị Ngọc	Thùy	06/04/1988	Tp. HCM	1035	
20	Trần Như	Thùy	05/04/1993	Vĩnh Long	1036	
21	Hoàng Thị Thu	Thủy	18/07/1995	Tp. HCM	1037	
22	Huỳnh Thị Thanh	Thủy	04/06/1988	Vĩnh Long	1038	
23	Huỳnh Thị Thu	Thủy	07/10/1997	TP. HCM	1039	
24	Lại Thị	Thủy	25/12/1981	TP. HCM	1040	
25	Lê Thị Thanh	Thủy	22/03/2000	TP. HCM	1041	
26	Lưu Huyền	Thủy	01/02/1993	Tp. HCM	1042	
27	Nguyễn Thị	Thủy	15/08/1996	BR-VT	1043	
28	Nguyễn Thị	Thủy	20/12/1973	Đồng Nai	1044	
29	Nguyễn Thị	Thủy	19/11/1997	TP. HCM	1045	
30	Nguyễn Thị	Thủy	22/08/1998	TP. HCM	1046	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 27 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.6 - Từ SBD 1047 đến 1076)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	07/12/1997	TP. HCM	1047	
2	Phạm Ngọc Thủy	15/08/1996	TP. HCM	1048	
3	Trần Thị Thanh Thủy	14/03/1990	Tp. HCM	1049	
4	Trần Thị Thanh Thủy	02/07/1999	TP. HCM	1050	
5	Trần Thị Thanh Thủy	14/03/2000	TP. HCM	1051	
6	Phan Thị Cẩm Thuyền	25/02/1988	Tp. HCM	1052	
7	Lê Văn Thuyết	19/09/1998	TP. HCM	1053	
8	Nguyễn Phạm Xuân Thy	28/07/1999	TP. HCM	1054	
9	Trần Thị Minh Thy	03/11/1984	TP. Huế	1055	
10	Trương Thị Kim Thy	19/02/1998	Gia Lai	1056	
11	Đoàn Thị Mỹ Tiên	23/01/2000	TP. HCM	1057	
12	Hoàng Thị Cẩm Tiên	16/08/1998	TP. HCM	1058	
13	Lưu Thị Thủy Tiên	25/01/1991	Cần Thơ	1059	
14	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12/12/1993	Tp. HCM	1060	
15	Nguyễn Thị Thủy Tiên	15/08/1995	TP. HCM	1061	
16	Phạm Phụng Hoàng Tiên	26/07/1998	TP. HCM	1062	
17	Võ Ngọc Thủy Tiên	30/03/1997	TP. HCM	1063	
18	Lương Hoàng Ngọc Tiến	11/01/1995	TP. HCM	1064	
19	Nguyễn Minh Tiến	25/08/1998	TP. HCM	1065	
20	Nguyễn Trường Tiến	21/10/1997	Bình Dương	1066	
21	Trần Thị Kim Tiến	27/06/1995	Tp. HCM	1067	
22	Võ Duy Tiến	20/02/1995	TP. HCM	1068	
23	Hoàng Minh Tiền	18/12/1988	Cần Thơ	1069	
24	Trần Thị Kim Tiền	25/12/1997	TP. HCM	1070	
25	Bùi Văn Tiết	01/01/1983	Bến Tre	1071	
26	Nguyễn Hữu Tín	03/03/1998	TP. HCM	1072	
27	Nguyễn Trung Tín	28/02/1995	TP. HCM	1073	
28	Trần Đại Tín	02/06/1983	Cần Thơ	1074	
29	Nguyễn Đình Tĩnh	04/08/1995	TP. HCM	1075	
30	Trần Văn To	12/09/1962	Trà Vinh	1076	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 28 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.1 - Từ SBD 1077 đến 1126)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Bảo Toàn	30/08/1991	Bình Dương	1077	
2	Nguyễn Văn Toàn	10/03/1994	TP. HCM	1078	
3	Trần Ngọc Toàn	21/05/1986	Đồng Nai	1079	
4	Hoàng Sơn Trà	20/09/1987	TP. HCM	1080	
5	Nguyễn Thái Hương Trà	23/06/2000	Đà Nẵng	1081	
6	Đỗ Thị Bích Trâm	10/02/1997	TP. HCM	1082	
7	Huỳnh Thị Yên Trâm	15/01/1998	Tp. HCM	1083	
8	Lý Mỹ Trâm	04/08/2000	TP. HCM	1084	
9	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	23/01/1995	TP. HCM	1085	
10	Nguyễn Ngọc Mai Trâm	23/11/2000	TP. HCM	1086	
11	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	12/03/1993	TP. HCM	1087	
12	Nguyễn Thị Thanh Trâm	24/03/1992	Tp. HCM	1088	
13	Phạm Thị Thu Trâm	27/02/1989	Tp. HCM	1089	
14	Trần Thị Bảo Trâm	08/09/2000	TP. HCM	1090	
15	Võ Thị Bích Trâm	12/08/1997	Hậu Giang	1091	
16	Trần Quốc Trâm	06/06/1986	TP. HCM	1092	
17	Diệp Huỳnh Bảo Trâm	29/09/1998	TP. HCM	1093	
18	Đỗ Quỳnh Trâm	17/06/1999	TP. HCM	1094	
19	Hồ Diệp Trâm	17/08/1977	Tp. HCM	1095	
20	Lê Duy Trâm	09/08/1995	Bình Thuận	1096	
21	Lê Huỳnh Ngọc Trâm	25/11/1999	TP. HCM	1097	
22	Lê Như Trâm	06/02/1986	Đồng Nai	1098	
23	Mã Thái Trâm	01/01/1996	TP. HCM	1099	
24	Ngô Đình Khánh Trâm	20/07/1994	TP. HCM	1100	
25	Ngô Thị Ngọc Trâm	03/01/1998	TP. HCM	1101	
26	Nguyễn Hồ Quỳnh Trâm	20/05/1997	TP. HCM	1102	
27	Hồ Thị Thùy Trang	09/01/1995	Hà Tĩnh	1103	
28	Hoàng Hà Trang	08/03/1996	TP. HCM	1104	
29	Huỳnh Thị Diễm Trang	24/02/1998	TP. Huế	1105	
30	Lương Thị Thùy Trang	21/03/1999	TP. HCM	1106	
31	Ngụy Thị Trang	25/10/1989	TP. Hà Nội	1107	
32	Nguyễn Lê Thùy Trang	07/08/1997	TP. HCM	1108	

33	Nguyễn Ngọc	Trang	25/10/1995	TP. HCM	1109	
34	Nguyễn Thảo	Trang	01/06/1997	TP. HCM	1110	
35	Nguyễn Thị Kiều	Trang	03/10/1992	Tây Ninh	1111	
36	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	11/04/1979	Tp. HCM	1112	
37	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/09/1995	TP. HCM	1113	
38	Nguyễn Thụy Quỳnh	Trang	07/05/1984	TP. HCM	1114	
39	Phạm Huỳnh Thùy	Trang	16/09/1993	TP. HCM	1115	
40	Phạm Ngọc Đoàn	Trang	19/03/1996	Tp. HCM	1116	
41	Phạm Thị Thùy	Trang	04/08/1997	TP. HCM	1117	
42	Phan Thị Huyền	Trang	10/01/1999	Đồng Nai	1118	
43	Phan Thị Thùy	Trang	06/02/1998	TP. HCM	1119	
44	Phùng Thị Hiền	Trang	24/02/1992	TP. HCM	1120	
45	Trần Thị Diễm	Trang	09/08/1997	Tp. HCM	1121	
46	Trần Thùy	Trang	22/08/1998	TP. HCM	1122	
47	Võ Thùy	Trang	28/12/1996	Tp. HCM	1123	
48	Vũ Thị Diễm	Trang	25/03/1991	TP. HCM	1124	
49	Vũ Thị Thùy	Trang	12/07/1999	Đắk Lắk	1125	
50	Võ Quốc Cứu	Trạng	10/05/1998	Đồng Nai	1126	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 29 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 3.3 - Từ SBD 1127 đến 1176)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Trí	29/05/1994	TP. HCM	1127	
2	Nguyễn Từ Trọng Trí	08/08/1989	Tp. HCM	1128	
3	Phan Minh Trí	24/02/1991	TP. HCM	1129	
4	Vũ Minh Trí	08/02/1993	Tp. HCM	1130	
5	Nguyễn Quốc Triều	15/10/1997	TP. HCM	1131	
6	Nguyễn Công Triều	09/04/1999	Quảng Nam	1132	
7	Dương Thị Lệ Trinh	01/01/1987	TP. HCM	1133	
8	Lê Thị Mộng Trinh	01/11/1977	Tp. HCM	1134	
9	Mai Thị Tuyết Trinh	10/05/1995	Tp. HCM	1135	
10	Nguyễn Thị Kiều Trinh	28/05/1995	Đồng Tháp	1136	
11	Nguyễn Thị Kiều Trinh	09/09/1996	TP. HCM	1137	
12	Võ Huỳnh Trinh	18/09/1999	TP. HCM	1138	
13	Võ Thị Trinh	06/05/1997	Tp. HCM	1139	
14	Vương Thị Tuyết Trinh	29/10/1997	TP. HCM	1140	
15	Bùi Minh Trinh	18/04/1999	TP. HCM	1141	
16	Nguyễn Văn Trinh	23/01/1988	Đà Nẵng	1142	
17	Võ Tiến Trinh	15/09/1994	TP. HCM	1143	
18	Trần Văn Trọn	08/06/1983	TP. HCM	1144	
19	Nguyễn Đức Trọng	08/06/1999	TP. HCM	1145	
20	Phan Thanh Trọng	12/05/1998	TP. HCM	1146	
21	Đoàn Phạm Thanh Trúc	07/05/1978	Tp. HCM	1147	
22	Doãn Thị Thanh Trúc	20/11/1994	TP. HCM	1148	
23	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	25/08/1996	TP. HCM	1149	
24	Nguyễn Thanh Trúc	07/12/1989	TP. HCM	1150	
25	Nguyễn Thị Thanh Trúc	16/03/1997	TP. HCM	1151	
26	Phạm Thị Huệ Trúc	07/12/1998	TP. HCM	1152	
27	Tạ Quang Thạch Trúc	27/11/1989	Đắk Lắk	1153	
28	Trần Thị Thanh Trúc	04/07/2000	TP. Huế	1154	
29	Trương Hoàng Trúc	21/03/2000	TP. HCM	1155	
30	Cái Nhật Trung	01/04/1993	Bến Tre	1156	
31	Huỳnh Hoài Trung	04/06/1997	Đồng Tháp	1157	
32	Huỳnh Sơn Trung	03/06/1976	Tp. HCM	1158	

33	Lê Minh	Trung	10/08/1989	Cần Thơ	1159	
34	Lê Thành	Trung	14/06/1998	TP. HCM	1160	
35	Nguyễn Lê Minh	Trung	05/11/1994	TP. HCM	1161	
36	Nguyễn Thanh	Trung	08/02/1982	Tp. HCM	1162	
37	Nguyễn Toàn	Trung	17/03/1993	TP. HCM	1163	
38	Phan Thành	Trung	08/11/1995	TP. HCM	1164	
39	Trần Hữu	Trung	03/06/1973	Tây Ninh	1165	
40	Trần Quốc	Trung	16/11/1990	Cần Thơ	1166	
41	Võ Mai	Trung	29/10/1983	An Giang	1167	
42	Võ Văn	Trung	11/10/1976	TP. HCM	1168	
43	Lê Minh	Tú	28/04/1998	Tp. HCM	1169	
44	Ngô Đức	Tú	12/07/1994	Đà Nẵng	1170	
45	Nguyễn Minh	Tú	29/08/1993	Quảng Nam	1171	
46	Nguyễn Thanh	Tú	10/04/1972	Cần Thơ	1172	
47	Trần Thanh Ngọc	Tú	02/01/1978	Cần Thơ	1173	
48	Nguyễn Thế	Tuân	15/05/1985	BR-VT	1174	
49	Tăng Ngọc	Tuân	23/03/1995	Long An	1175	
50	Bùi Văn	Tuấn	18/02/1987	Đồng Nai	1176	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 30 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.1 - Từ SBD 1177 đến 1226)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Chu Quốc Tuấn	08/01/1980	Tp. HCM	1177	
2	Đinh Anh Tuấn	20/06/1986	TP. HCM	1178	
3	Đỗ Mạnh Tuấn	02/01/1979	Kon Tum	1179	
4	Dương Anh Tuấn	05/01/1986	Tp. HCM	1180	
5	Hồ Hoàng Tuấn	13/04/1991	TP. HCM	1181	
6	Huỳnh Anh Tuấn	16/08/1998	Đắk Lắk	1182	
7	Huỳnh Anh Tuấn	25/10/1987	TP. HCM	1183	
8	Lê Ngọc Tuấn	02/01/1995	TP. HCM	1184	
9	Lê Văn Tuấn	25/03/1982	Đồng Nai	1185	
10	Mã Hoàng Anh Tuấn	21/02/1996	TP. HCM	1186	
11	Nguyễn Hữu Tuấn	04/10/1988	Đồng Nai	1187	
12	Nguyễn Lê Anh Tuấn	24/08/1997	Đà Nẵng	1188	
13	Nguyễn Minh Tuấn	01/03/1998	TP. HCM	1189	
14	Nguyễn Ngọc Tuấn	20/01/1980	TP. HCM	1190	
15	Nguyễn Thành Tuấn	19/03/1985	Đồng Nai	1191	
16	Nông Văn Tuấn	04/08/1994	TP. HCM	1192	
17	Phan Minh Tuấn	02/10/1999	TP. HCM	1193	
18	Phan Thanh Tuấn	05/10/1990	TP. HCM	1194	
19	Phan Văn Tuấn	12/09/1986	Tp. HCM	1195	
20	Trần Quang Tuấn	25/01/1982	TP. Hà Nội	1196	
21	Vi Anh Tuấn	02/01/1999	TP. HCM	1197	
22	Võ Hồ Anh Tuấn	26/02/1994	Tp. HCM	1198	
23	Vũ Anh Tuấn	01/05/1983	Tp. HCM	1199	
24	Cao Thanh Tùng	12/05/1992	TP. HCM	1200	
25	Lê Văn Tùng	09/03/1997	Đà Nẵng	1201	
26	Nguyễn Hữu Tùng	06/11/1984	TP. HCM	1202	
27	Nguyễn Thanh Tùng	17/11/1984	TP. HCM	1203	
28	Trần Thanh Tùng	28/05/1994	Lâm Đồng	1204	
29	Vũ Thanh Tùng	05/06/1981	Đồng Nai	1205	
30	Bùi Linh Túng	01/12/1998	Đồng Tháp	1206	
31	Nguyễn Duy Tùng	10/10/1969	TP. HCM	1207	
32	Nguyễn Thanh Tùng	08/10/1979	TP. HCM	1208	

33	Nguyễn Lê Cát	Tường	04/08/2000	Đồng Tháp	1209	
34	Nguyễn Huy	Tường	05/03/1974	Bình Phước	1210	
35	Giang Bảo	Tuyên	27/05/1984	Tp. HCM	1211	
36	Hoàng Hà	Tuyên	15/10/1989	Khánh Hòa	1212	
37	Phạm Ngọc	Tuyên	26/04/1999	TP. HCM	1213	
38	Phạm Thị Thanh	Tuyên	14/11/1997	TP. HCM	1214	
39	Võ Duy	Tuyên	06/10/1974	BR-VT	1215	
40	Đặng Ngọc	Tuyên	03/05/1996	TP. HCM	1216	
41	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	04/08/1992	Tp. HCM	1217	
42	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	19/05/1985	Tp. HCM	1218	
43	Trần Ngọc	Tuyên	09/06/1986	TP. HCM	1219	
44	Huỳnh Thị Kim	Tuyệt	24/05/1994	Tp. HCM	1220	
45	Nguyễn Lê Thanh	Tuyệt	08/09/1994	Tp. HCM	1221	
46	Trương Thị Ánh	Tuyệt	06/06/1996	TP. Hà Nội	1222	
47	Nguyễn Hồng	Ty	19/09/1992	Đắk Lắk	1223	
48	Hứa Tấn	Tỷ	17/01/2000	Cần Thơ	1224	
49	Bùi Thu	Uyên	28/01/1999	TP. HCM	1225	
50	Bùi Thu	Uyên	01/11/1999	TP. HCM	1226	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 31 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.3 - Từ SBD 1227 đến 1276)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Hồ Lạc Vũ Uyên	30/05/1999	TP. HCM	1227	
2	Hồ Thị Tâm Uyên	07/03/1998	Tp. HCM	1228	
3	Hoàng Phương Uyên	19/11/1997	TP. HCM	1229	
4	Huỳnh Tố Uyên	04/01/1993	Kiên Giang	1230	
5	Lê Phương Uyên	01/01/1997	TP. HCM	1231	
6	Nguyễn Kiều Uyên	12/10/1997	TP. HCM	1232	
7	Nguyễn Thị Uyên	16/05/1979	Tp. HCM	1233	
8	Nguyễn Thị Tố Uyên	03/03/1996	TP. HCM	1234	
9	Nguyễn Trần Bảo Uyên	27/12/1993	TP. HCM	1235	
10	Phan Trịnh Thanh Uyên	13/09/1993	Tp. HCM	1236	
11	Trần Nguyễn Tố Uyên	07/04/1998	TP. HCM	1237	
12	Cao Thùy Vân	07/11/1996	Tp. HCM	1238	
13	Đinh Thị Thu Vân	29/06/1995	TP. HCM	1239	
14	Đinh Thị Thu Vân	18/06/1993	Tp. HCM	1240	
15	Đỗ Thị Vân	01/01/1990	TP. HCM	1241	
16	Doãn Thị Thanh Vân	23/08/1988	TP. HCM	1242	
17	Huỳnh Thị Thanh Vân	08/12/1997	TP. HCM	1243	
18	Lâm Thị Thúy Vân	17/05/1992	TP. HCM	1244	
19	Nguyễn Thị Hồng Vân	24/02/1981	Bình Phước	1245	
20	Nguyễn Thị Hồng Vân	23/08/1989	Tp. HCM	1246	
21	Nguyễn Thị Thanh Vân	16/05/1995	TP. HCM	1247	
22	Nguyễn Thị Thùy Vân	20/02/1981	Cà Mau	1248	
23	Phạm Công Vân	18/09/1963	Lâm Đồng	1249	
24	Phạm Thị Thanh Vân	29/09/1976	Cần Thơ	1250	
25	Phan Thị Vân	25/10/1991	TP. HCM	1251	
26	Trần Thị Cẩm Vân	18/12/1999	TP. HCM	1252	
27	Trần Thị Tường Vân	25/04/1991	TP. HCM	1253	
28	Trần Thùy Vân	15/09/1997	TP. HCM	1254	
29	Võ Thị Vân	05/01/1975	Tp. HCM	1255	
30	Hồ Hoài Văn	01/10/1996	Đồng Tháp	1256	
31	Nguyễn Anh Văn	02/04/1975	Đồng Nai	1257	
32	Phạm Hiền Văn	10/11/1983	TP. HCM	1258	

33	Trần Đình	Văn	05/10/1984	TP. HCM	1259	
34	Nguyễn Thành	Vận	01/12/1973	Bình Dương	1260	
35	Đình Thục	Vi	25/12/2000	Đà Nẵng	1261	
36	Lâm Anh	Vi	20/01/1989	Tp. HCM	1262	
37	Lê Thảo	Vi	30/05/1996	TP. HCM	1263	
38	Lê Văn	Vi	23/10/1976	Tp. HCM	1264	
39	Nguyễn Thị Thúy	Vi	04/08/1997	Tp. HCM	1265	
40	Vương Minh	Vị	29/10/1978	Tp. HCM	1266	
41	Nguyễn Thị	Viễn	20/05/1992	Tp. HCM	1267	
42	Cao Đình Hồng	Việt	24/09/1987	TP. HCM	1268	
43	Đỗ Trung	Việt	07/10/1999	TP. HCM	1269	
44	Nguyễn Hoàng Đức	Việt	19/05/1995	TP. HCM	1270	
45	Phạm Quốc	Việt	16/11/1999	TP. HCM	1271	
46	Phạm Văn	Việt	05/09/2000	Đà Nẵng	1272	
47	Phạm Văn	Việt	24/07/1984	Tp. HCM	1273	
48	Phản Thế	Việt	24/10/1988	TP. HCM	1274	
49	Trần	Việt	21/10/1990	TP. HCM	1275	
50	Bùi Thế	Vinh	25/11/1994	TP. HCM	1276	

DANH SÁCH PHÒNG THI VIẾT SỐ 32 (Khu vực phía Nam)
(Phòng B 4.5 - Từ SBD 1277 đến 1326)

STT	HỌ TÊN	Ngày sinh	Đoàn LS	Số báo danh	Ghi chú
1	Đỗ Đức Vinh	19/02/1992	Tp. HCM	1277	
2	Lê Văn Vinh	23/09/1983	Cần Thơ	1278	
3	Lê Văn Vinh	21/12/1984	TP. HCM	1279	
4	Nguyễn Công Vinh	23/04/1997	TP. HCM	1280	
5	Nguyễn Thành Vinh	10/12/1978	Tp. HCM	1281	
6	Phạm Trung Phan Xuân Vinh	06/03/1986	Tp. HCM	1282	
7	Trương Quang Vinh	03/05/1977	TP. HCM	1283	
8	Nguyễn Cửu Vinh	06/06/1986	BR-VT	1284	
9	Nguyễn Gia Võ	18/02/1997	Tp. HCM	1285	
10	Bùi Đình Quang Vũ	28/02/1991	Đắk Nông	1286	
11	Đỗ Ngọc Vũ	27/08/1988	TP. HCM	1287	
12	Nguyễn Minh Vũ	21/07/1993	TP. HCM	1288	
13	Nguyễn Thành Vũ	30/08/1977	Khánh Hòa	1289	
14	Phạm Xuân Vũ	09/11/1982	TP. HCM	1290	
15	Võ Văn Vũ	27/11/1977	TP. HCM	1291	
16	Nguyễn Cao Trường Vũ	19/09/1999	TP. HCM	1292	
17	Võ Thị Uyên Vui	28/03/1991	TP. HCM	1293	
18	Phạm Minh Vương	03/02/1994	Đắk Nông	1294	
19	Trần Minh Vương	15/02/1999	Tp. HCM	1295	
20	Lê Thịnh Vương	30/03/1976	TP. HCM	1296	
21	Đoàn Thị Ái Vy	19/02/1999	TP. Hà Nội	1297	
22	Huỳnh Lê Yến Vy	22/02/1999	TP. HCM	1298	
23	Lê Hoàng Quỳnh Vy	18/09/1985	TP. HCM	1299	
24	Lê Nguyễn Hoàng Vy	14/06/1993	TP. HCM	1300	
25	Nguyễn Chúc Vy	02/06/1992	TP. HCM	1301	
26	Nguyễn Khánh Vy	27/02/1996	Đà Nẵng	1302	
27	Nguyễn Thanh Thảo Vy	05/11/1998	TP. HCM	1303	
28	Nguyễn Thảo Vy	30/01/1998	TP. HCM	1304	
29	Nguyễn Thị Thảo Vy	17/06/1998	Bình Dương	1305	
30	Nguyễn Thị Thảo Vy	01/08/1998	TP. HCM	1306	
31	Trần Nguyễn Lê Vy	06/09/1996	TP. HCM	1307	
32	Trần Thị Ái Vy	25/11/1999	TP. HCM	1308	

33	Mạch Triệu	Vỹ	17/11/1991	Tp. HCM	1309	
34	Nguyễn Văn	Xịn	01/08/1984	TP. HCM	1310	
35	Nguyễn Phạm Thanh	Xuân	03/01/1997	TP. HCM	1311	
36	Nguyễn Thị	Xuân	07/03/1994	Quảng Nam	1312	
37	Lê Thị Hồng	Xuyến	25/12/1992	TP. HCM	1313	
38	Đinh Thị Như	Ý	15/03/1994	Quảng Nam	1314	
39	Lê Như	Ý	31/10/1989	TP. HCM	1315	
40	Lưu Khã	Ý	25/06/2000	TP. Huế	1316	
41	Trần Thị Ngọc	Ý	27/12/1999	TP. HCM	1317	
42	Phan Thị Ngọc	Yên	24/09/1997	Tp. HCM	1318	
43	Hoàng Thị Hải	Yến	16/06/1999	TP. HCM	1319	
44	Lê Hoàng	Yến	17/08/1997	TP. HCM	1320	
45	Lê Hoàng Bảo	Yến	15/11/1998	TP. HCM	1321	
46	Lê Thị	Yến	02/09/1996	TP. HCM	1322	
47	Lê Thị Nhật	Yến	24/03/1976	Cà Mau	1323	
48	Nguyễn Diễm	Yến	19/11/1990	TP. HCM	1324	
49	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/01/1993	Cà Mau	1325	
50	Phan Kim	Yến	29/10/1984	TP. HCM	1326	